

**HÀM NGHI:
MỘT NHÀ ÁI QUỐC, MỘT NGHỆ SĨ ĐA TÀI**

Trần Đông Phong

Vào cuối thập niên 1970, người viết có dịp sang làm việc tại một số quốc gia Bắc Phi và trong những ngày lưu lại Alger, thủ đô nước Algérie, tình cờ có được nghe một số người Algériens lớn tuổi nói về một người Việt Nam rất nổi tiếng tại đây vào hồi cuối thế kỷ thứ 19-đầu thế kỷ thứ 20 với một niềm ưu ái và kính phục, đó là người mà họ gọi là Le Prince d'Annam hay là “Hoàng Tử Xứ Annam.”

Le Prince d'Annam chính là Vua Hàm Nghi.

Đối với người Việt Nam thì Vua Hàm Nghi là một trong hai vị vua trẻ tuổi anh hùng nhất vào cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20 vì hai thiếu niên này đã dám đứng lên chống lại thực dân Pháp để rồi cả hai người đều bị thực dân đưa đi đày sang tận Phi Châu: Vua Duy Tân bị đày sang đảo Réunion và Vua Hàm Nghi bị đày sang nước Algérie.

Vua Duy Tân thì đã được nhiều người nói đến sau khi Ngài bị tử nạn phi cơ vào tháng 12 năm 1945 tại Trung Phi, tuy nhiên Vua Hàm Nghi thì cho đến năm 1975, người Việt Nam gần như không được biết gì về cuộc đời của Ngài sau khi bị đày sang Algérie từ năm 1889.

Khi nghe nói về Vua Hàm Nghi, trong những ngày giờ rảnh rỗi, người viết không bỏ lỡ dịp may đi tìm hiểu thêm về cuộc sống lưu đày của vị anh hùng này tại nước Algérie và trong thâm tâm, có ý nguyện tìm kiếm thêm tài liệu để sau này ghi chép lại về cuộc đời của vị hoàng đế trẻ tuổi trong cuộc sống lưu đày trên lục địa Phi Châu trong suốt 55 năm trời. Nhà vua có thể được xem như là « Người Việt Nam bị Lưu Đày Đầu Tiên » tại Phi Châu và ông đã khuất phục được những hàng rào như chủng tộc, ngôn ngữ, văn hóa và triết học để tạo được một cuộc sống đầy tiết tháo và tư cách của một vị quân vương, với những năm tháng lưu đày tương đối thoải mái, lành mạnh và hạnh phúc nơi xứ người.

Dựa vào một số tài liệu mới nhất về cuộc đời trưởng thành của Vua Hàm Nghi, người viết hy vọng rằng bài viết sau đây sẽ giúp cho những người trẻ tuổi có một khái niệm về cuộc sống lưu đày của một vị cựu hoàng, tuy đã bị mất nước, tuy bị lưu đày nhưng vẫn giữ tròn danh dự của một đấng quân vương, giữ tròn khí tiết của một người Việt Nam, nhưng vẫn cố gắng học hỏi để thích ứng với một nền văn hoá hoàn toàn ngoại lai của cuộc sống nơi xứ người và ông đã trở thành một người nghệ sĩ đa tài, đã chinh phục được sự yêu mến và kính trọng không những của người dân Algériens mà còn cả kẻ thù, đó là những người Pháp, trong số đó có người vợ trong 40 năm của ông, một người đàn bà thuộc giai cấp thượng lưu người Pháp, bà Marcelle Laloe.

Tại Việt Nam, từ năm 1955, Chính Phủ VNCH có thành lập một trường trung học ngay tại Trường Quốc Tử Giám cũ thời nhà Nguyễn trong Thành Nội Huế mang tên là Trường Trung Học Hàm Nghi để tưởng niệm và vinh danh vị hoàng đế ái quốc này, tuy nhiên ngay sau khi chiếm được thành phố Huế vào cuối tháng 3 năm 1975, Cộng Sản Việt Nam đã ra lệnh đóng cửa ngay ngôi trường này.

*
* *
*

Sau khi Vua Tự Đức băng hà vào ngày 17 tháng 7 năm 1883, thọ 55 tuổi, triều đình và hoàng gia chọn người con nuôi trưởng của nhà vua là *Ung Chân* lên làm vua lấy hiệu là *Dục Đức*, dù rằng trong di chiếu, Vua Tự Đức nói rằng trong ba người con nuôi của ông thì *Dục Đức* có tính ăn chơi không xứng với ngôi vị thiên tử. Tuy nhiên Thái Hậu Từ Dũ và hai bà Trang Y và Học Phi làm áp lực với ba vị đại thần là Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành đưa *Dục Đức* lên làm vua. Nhưng sau khi lên ngôi được ba ngày thì Vua *Dục Đức* khám phá ra việc Quan Phụ Chánh Đại Thần Nguyễn Văn Tường thông gian với bà Học Phi, một phi tần sủng ái của Vua Tự Đức, cho nên nhà vua bị Nguyễn Văn Tường và bà Học Phi tìm cách hãm hại.

Bà Học Phi người làng Vân Trình tên là Yến, nhân vì trời mưa nên chạy vào núp dưới một lùm tre bên bờ Phá Tam Giang. Vua Tự Đức ngự thuyền qua đó, vì gặp giông bão nên thuyền rồng cũng ghé vào bờ tránh mưa và tình cờ nhà vua được nhìn thấy cô thôn nữ mỹ miều làng Vân Trình. Vua lấy làm ưng ý bèn tuyển vào cung và phong làm tài nhân, về sau phong lên làm Tam Giai Phi, do đó có tên là bà Học Phi. Thời đó, người dân xứ Huế có câu vè như sau:

*“Trời xui có trận mưa giông
Khiến con chim yến vào trong đền vàng.”*

Vua *Dục Đức* làm vua được ba ngày, từ 20 cho đến ngày 23 tháng 7 năm 1883, rồi bị Phụ Chánh Nguyễn Văn Tường ra lệnh giam vào lãnh cung cho đến khi bị chết đói vào ngày 6 tháng 10 năm 1883, thọ 31 tuổi.

Sử gia Trần Trọng Kim cho biết: *“...Ở Huế thì Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên chế đủ mọi đường. Tháng 9 năm Giáp Thân (1885,) hai ông ấy đem ông Dục Đức giam vào nhà tối, không cho ăn uống để chết đói, đổ tội cho là thông mưu với giặc...”*¹

Lúc bấy giờ ở kinh đô Huế dân gian có câu vè như sau:

*“Nước Nam có bốn gian hùng:
Tường gian, Viêm đối, Khiêm khùng, Thuyết ngu!”*

Sau khi Vua *Dục Đức* bị phế, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết và bà Học Phi đưa *Nguyễn Phúc Hồng Dật*, em thứ 29 (em út) của Vua Tự Đức, lên ngôi ngày 30 tháng 7 năm 1883, lấy niên hiệu là *Hiệp Hoà*. Nhưng chỉ bốn tháng sau thì hai phụ chánh Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường lại nghi ngờ Vua *Hiệp Hoà* và ông bị bắt phải uống thuốc độc mà chết vào tháng 11 năm 1883, thọ 36 tuổi.

Đến tháng 12 năm 1883, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đưa *Nguyễn Phúc Ưng Đăng*, con nuôi thứ ba của Vua Tự Đức mới được 14 tuổi lên nối ngôi, lấy hiệu là *Kiến Phước*.

Chỉ trong vòng 4 tháng, từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1883, mà nước Việt Nam lại có đến ba ông vua cho nên trong dân gian đã có câu vè như sau:

“Tứ nguyệt tam vương triều bất tường!”

Vua Kiến Phước làm vua chỉ được 8 tháng thì lâm trọng bệnh và băng hà vào ngày 31 tháng 7 năm 1884, thọ 14 tuổi.

Sau khi Vua Kiến Phước băng hà, đáng lý ra người con nuôi thứ hai của Vua Tự Đức là Chánh Mông tức là Nguyễn Phúc Ứng Kỷ phải được đưa lên làm vua nhưng vì Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường e ngại rằng vị hoàng tử này đã trưởng thành, 22 tuổi rồi, như vậy thì họ sẽ khó lòng mà khuyh loát được triều đình như trước, do đó, vào ngày 2 tháng 8 năm 1884, họ âm mưu đưa người em của Ứng Kỷ là *Nguyễn Phúc Ứng Lịch*, không phải là con nuôi của Vua Tự Đức, mới có 14 tuổi lên làm Vua lấy niên hiệu là *Hàm Nghi*, xưng danh là Đại Nam Hoàng Đế và lấy quốc hiệu là Đại Nam.²

Trong cuốn “*Vua Hàm Nghi*”, nhà văn Phan Trần Chúc có kể lại một giai thoại ở Huế nói rằng sau khi ba ông vua liên tiếp nhau bị chết, khi triều đình cho xa giá đến đón Ứng Lịch vào đại nội để lên làm vua thì ông hoàng này, lúc đó mới 14 tuổi, đang đánh “*căng*” tức là đánh khăng với bạn bè ở ngoài cửa Đông Ba. Bà mẹ của ông nghe nói con được lên làm vua thì quá sợ hãi vì ngại rằng con của bà cũng sẽ chết cho nên đã lặn xả vào đoàn thị vệ khóc lóc thảm thiết không cho họ bắt Ứng Lịch vào đại nội. Bà mẹ của Vua Hàm Nghi kể ra cũng là người có tiên kiến vì không đầy một năm sau thì bà không hề được gặp lại người con trai của bà nữa: nhà vua bị Pháp bắt sau ba năm kháng chiến rồi bị đày đi Algérie, không hề được gặp lại bà khi bà từ trần vào năm 1889.

Thực dân Pháp tuy đồng ý việc đưa vua Hàm Nghi lên ngôi nhưng lại không đồng ý với danh hiệu Đại Nam Hoàng Đế và bắt buộc Vua Hàm Nghi phải đổi lại là “*Hoàng Đế An-Nam*” (Empereur d’Annam), tức là chỉ làm vua xứ An-Nam hay là Trung Kỳ mà thôi chứ không phải là vua của Đại Nam gồm cả hai xứ Nam Kỳ (Cochinchine) hay Bắc Kỳ (Tonkin).

Chưa đầy một năm sau, Tướng Pháp De Courcy đến Huế và nhất định đòi đi cùng 500 tên lính Pháp vào cửa Ngọ Môn để yết kiến Vua Hàm Nghi, triều đình Huế phản đối, yêu cầu chỉ một mình De Courcy được đi qua cửa Ngọ Môn theo đúng triều nghi, còn tất cả sĩ quan và binh lính thì phải đi qua cửa bên hông. De Courcy không chịu, nhất quyết đòi phải cho tất cả phái đoàn hộ tống y cũng được đi qua cửa Ngọ Môn khi vào triều kiến Vua Hàm Nghi. Thái độ hống hách này của De Courcy khiến cho cả triều đình phẫn nộ, nhất là Phụ Chánh Tôn Thất Thuyết.

Đêm 5 rạng sáng ngày 6 tháng 7 năm 1885 tức là 23 tháng 5 năm Ất Dậu, Tôn Thất Thuyết đem quân tấn công vào quân Pháp tại đồn Mang Cá và toà Khâm Sứ Huế. Quân Pháp chỉ chống đỡ nhưng đến sáng ngày hôm đó thì phản công lại bằng mọi loại vũ khí tối tân và quân ta thua chạy. Theo tài liệu của người Pháp thì De Courcy đến Huế ngày 2 tháng 7 năm 1885 mang theo 19 sĩ quan và 1024 lính Pháp và đêm thứ bảy rạng ngày chủ nhật 5 tháng 7 thì bị quân Việt Nam khoảng gần 30,000 người tấn công, quân Pháp phản công gây cho mấy ngàn binh sĩ và thường dân bị giết, tuy nhiên không thấy nói gì đến thiệt hại của quân Pháp.³ Theo Việt Nam Sử Lược thì: “*Trận đánh nhau ở Huế, quân Pháp mất 16 người, 80 người bị thương. Sách Tây chép rằng quân ta chết đến vài nghìn người, còn bao nhiêu khí giới, lương thực và hơn một triệu tiền của đều mất cả.*”

Tuy thiệt hại về phía Việt Nam không có tài liệu nào nói rõ nhưng cho mãi đến giữa thế kỷ thứ 20, hàng năm cứ đến ngày 23 tháng 5 âm lịch là người dân Huế đều có làm lễ cúng giỗ cho linh hồn những nạn nhân của cuộc binh biến này, được gọi là *Ngày Thất Thủ Kinh Đô*, như vậy thì con số thiệt hại về nhân mạng của thường dân vô tội cũng phải rất cao.

Lãnh Đạo Phong Trào Cần Vương Chống Pháp

Tôn Thất Thuyết mang Vua Hàm Nghi cùng với Tam Cung tức là Bà Từ Dụ Hoàng Thái Hậu, mẹ của Vua Tự Đức, bà Hoàng Thái Hậu là vợ của Vua Tự Đức, mẹ nuôi của Vua Dục Đức và bà Hoàng Thái Phi là vợ thứ của Vua Tự Đức và mẹ nuôi của Vua Kiến Phúc chạy ra Quảng Trị. Ngày 27 tháng 5 (âm lịch), Vua Hàm Nghi vào lạy chào ba bà thái hậu rồi theo Tôn Thất Thuyết lên đường lên Sơn Phòng Tân Sở, thuộc huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị để mưu đồ công cuộc kháng chiến chống lại thực dân Pháp.

Theo tác giả De Pirey, Tân Sở là một căn cứ cách huyện Cam Lộ khoảng từ 10 đến 15 cây số về hướng tây-nam do Vua Tự Đức cho thành lập vào năm 1883 với mục đích làm nơi trú ẩn cho nhà vua, hoàng gia và triều đình trong trường hợp kinh đô Huế bị quân Pháp chiếm đóng. Căn cứ Tân Sở mỗi bề rộng chừng 780 mét, được bao quanh bởi hai lớp tường thành, lớp ngoài cao 4 mét, dày từ 20 đến 25 centimét, lớp trong là một hàng 4 lũy tre cách nhau bởi một cái hào sâu rộng chừng 10 mét bảo vệ cho dinh thự của nhà vua, của các quan trong thành nội cùng các đơn vị binh lính của triều đình ở vòng ngoài. Trước khi kinh đô Huế thất thủ vào năm 1885, thường thường có khoảng từ một cho đến một ngàn rưởi dân công, có khi lên đến mười ngàn người, trong các khu vực lân cận bị trưng dụng để xây dựng căn cứ này. Tác giả De Pirey cho biết là triều đình có ý định biến sơn phòng Tân Sở như là một kinh đô tạm thời nếu kinh đô Huế thất thủ, do đó người ta đã cho khơi sâu lòng con kinh từ Cửa Việt để cho thuyền bè lớn có thể chèo đến tận căn cứ Tân Sở và lên tận biên giới Ai Lao. Trong hai ngày 3 và 4 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết đã ra lệnh cho di chuyển một phần kho tàng của triều đình ra Tân Sở để chuẩn bị cho cuộc tấn công quân Pháp vào ngày 6 tháng 7.

Tác giả De Pirey cho biết Vua Hàm Nghi xuất cung theo cửa Chương Đức rồi ra Cửa Hữu đi về bến đò Kẽ Vạn rồi đến làng La Chữ. Nhà vua ngồi kiệu do binh lính khiêng tuy nhiên đường rất khó đi và nhiều khi quân lính không giữ được thăng bằng khiến cho nhà vua phải bị u đầu và sau cùng thì nhà vua phải xuống kiệu đi bộ. Ngày 6 tháng 7, nhà vua và đoàn tùy tùng đến Quảng Trị và nghỉ đêm tại đó rồi sáng ngày hôm sau lên đường đi Tân Sở, kể từ hôm đó được xem như là kinh đô mới của triều đình Huế.⁴

Ngày 2 tháng 6 năm Ất Dậu tức là ngày 13 tháng 7 năm 1885, tại Tân Sở, Vua Hàm Nghi năm đó vừa tròn 14 tuổi, đã ban chiếu gọi là “*Lệnh Dụ Thiên Hạ Cần Vương*” hay là *Dụ Cần Vương* kêu gọi toàn dân Việt Nam từ Bắc chí Nam cùng đứng lên tiêu diệt bọn thực dân Pháp để giành lại quyền độc lập và tự do cho đất nước. Trong Dụ Cần Vương này có đoạn như sau:

“Chỉ vì sức yếu nên ta phải chịu nhục ký hoà ước (1884) với giặc Pháp đã bao nhiêu năm và bao nhiêu lần. Với chính sách “tâm thực,” thoát tiên chúng cướp ba tỉnh Nam Kỳ, còn ba

tỉnh nữ sau hai năm chúng cũng cướp nốt. Nhưng tui tham của quân cướp nước không bao giờ đầy. Thế rồi chúng dùng thiên phương bách kế, khiêu khích, gây hấn khắp Trung Kỳ và Bắc Kỳ...

Hỡi các trung thần nghĩa sĩ toàn quốc!

Hỡi các nghĩa dân hảo hán bốn phương!

Trước giờ Tổ Quốc lâm nguy, xã tắc nghiêng đổ, ai là dân, ai là thần, lẽ nào chịu khoanh tay ngồi chờ chết?

Hãy mau mau cùng nhau đứng dậy, phất cờ khởi nghĩa đánh giặc cứu nước...!”⁵

Lời kêu gọi của Vua Hàm Nghi, sau còn được gọi là *Hịch Cần Vương*, đã được các giới sĩ phu ủng hộ nhiệt liệt tại miền Bắc và khắp các tỉnh miền Trung, từ Bình Thuận ở phía nam cho đến Thanh Hoá ở phía bắc khiến cho quân Pháp gặp rất nhiều khó khăn để đối phó. Thêm vào đó, chính phủ Pháp ở Paris đánh điện sang không cho phép De Courcy dùng đại binh và lúc đó lại còn xảy ra nạn dịch tả khiến cho quân Pháp bị chết khoảng ba, bốn ngàn người, do đó Phong trào Cần Vương có cơ hội phát triển, nhất là tại vùng Hà Tĩnh và Quảng Bình, nơi mà Vua Hàm Nghi được hai người con của Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp phò tá.

Trong Việt Nam Sử Lược, sử gia Trần Trọng Kim cho biết:

“Nhưng vua Hàm Nghi còn ở mạn Quảng Bình, kéo cờ khởi nghĩa để chống nhau với quân Pháp, truyền hịch Cần Vương để mong đường khôi phục. Lúc bấy giờ, lòng người còn tưởng nhớ chúa cũ, cho nên từ tỉnh Bình Thuận trở ra, chỗ nào cũng có người nổi lên đánh phá để toan bề khôi phục.

Tại Quảng Nam thì bọn thân hào lập ra Nghĩa Hội, có quan Sơn Phòng Sứ là Trần Văn Dự làm chủ, rồi những tỉnh Phú Yên, Bình Định, Bình Thuận đều noi theo mà nổi lên. Tại Quảng Trị, có các ông Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như, ở Quảng Bình có quan nguyên tri phủ Nguyễn Phạm Tuân, ở Hà Tĩnh có cậu ấm Lê Ninh, ở Nghệ An có ông Nghè Nguyễn Xuân Ôn và quan Sơn Phòng sứ Lê Doãn Nhạ, ở Thanh Hoá có Hà Văn Mao v.v. Những người ấy đều xướng lên việc Cần Vương, đem quân đi hoặc chiếm giữ tỉnh thành, hoặc đánh lấy các phủ huyện và đốt phá những làng có đạo. Tại ngoài Bắc thì các quan cự thân là quan Đề Đốc Tạ Hiện, quan Tán Tương Nguyễn Thiện Thuật tụ họp ở Bãi Sậy rồi đi đánh phá mạn trung châu, còn ở mạn thượng du thì chỗ nào cũng có quân giặc Tàu quấy nhiễu. Bởi vậy quân Pháp phải chia binh ra chống giữ các nơi...”

Như vậy, Phong trào Cần Vương do Vua Hàm Nghi, lúc đó mới có 15 tuổi lãnh đạo, đã làm cho quân Pháp khốn đốn từ miền Bắc cho đến cực nam Trung Kỳ. Vì vua Hàm Nghi xuất thân, thực dân Pháp và triều đình Huế đã đưa người anh của vua Hàm Nghi là Nguyễn Phúc Ưng Kỷ, con nuôi thứ hai của Vua Tự Đức lên làm vua vào ngày 19 tháng 9 năm 1885, lấy niên hiệu là *Đồng Khánh*. Vua Đồng Khánh là anh của vua Kiến Phúc và vua Hàm Nghi, cả ba người đều là con của Kiên Thái Vương Hồng Cai, cho nên tại Huế có câu vè sau đây:

“Một nhà sanh dựng ba vua,

Vua còn (Đồng Khánh), vua mất (Kiến Phước), vua thua chạy dài (Hàm Nghi).

Qua năm sau, ngày 16 tháng 5 năm Bính Tuất (1886), Vua Đồng Khánh xa giá ra Quảng Bình để dụ Vua Hàm Nghi và các cận thần của Ngài như Phan Đình Phùng, Trần Xuân Soạn, Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Tôn Thất Thiệp, Tôn Thất Đạm v.v. ra đầu thú nhưng vô hiệu. Viên Đại úy Monteaux cho người chiêu dụ ông Lê Trực về hàng thì vị anh hùng này trả lời như sau: *“Tôi vì vua, vì nước, chết sống cũng một lòng làm cho hết việc bốn phận, chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa.”* Được vài chục ngày thì Đồng Khánh bị bệnh, phải dùng tàu thủy để trở về Huế và cuộc xuất chinh này kể ra chẳng đạt được kết quả gì vì tuy là em ruột của Đồng Khánh nhưng Vua Hàm Nghi nhất quyết chống lại người Pháp.

Vua Đồng Khánh chỉ làm vua được ba năm rồi lâm bệnh mà chết vào ngày 28 tháng 1 năm 1889, thọ 25 tuổi.

Sau đó, thực dân Pháp đã cho lập một số đồn bót trong tỉnh Quảng Bình nhằm quyết tâm trừ diệt Vua Hàm Nghi và nhóm Cần Vương, một trong những đồn nổi tiếng là Đồn Minh Cầm dưới quyền chỉ huy của Đại úy Monteaux.

Cuộc khởi nghĩa Cần Vương của Vua Hàm Nghi tuy được toàn dân ủng hộ nhưng lại chỉ là những đoàn quân ô hợp, thiếu tổ chức, thiếu huấn luyện và yểm trợ về vũ khí cũng như lương thực, do đó khó lòng mà cự địch lại với lực lượng hùng mạnh của thực dân Pháp. Bởi vậy, chỉ được có vài năm thì nhà vua và một số cận thần phải rút về trú đóng tại một vài nơi ở vùng thượng du tỉnh Quảng Bình.

Cuộc kháng chiến kéo dài được ba năm thì vào tháng Chín năm Mậu Tý (1888), có một suất đội hầu cận nhà vua tên là Nguyễn Đình Tinh ra đầu hàng quân Pháp và khai rõ tình cảnh cũng như là chỗ nhà vua đang đóng quân. Quân Pháp liền sai tên Tinh về dụ Trương Quang Ngọc, một người Mường địa phương vốn là một tên khí độ tiểu nhân nhưng được Vua Hàm Nghi cho làm người hầu cận để cả hai tên này âm mưu bắt nhà vua cho người Pháp.

Monteaux tìm cách mua chuộc những kỳ mục trong vùng để chúng liên lạc và giúp đỡ cho Trương Quang Ngọc trong việc mưu bắt nhà vua, tuy nhiên người lo việc bảo vệ cho vua là Tôn Thất Thiệp, ông đã thề sẽ sống chết với vua và sẽ chặt đầu những người nào có ý định về đầu thú với Pháp, do đó Trương Quang Ngọc vẫn chưa làm gì được. Đến ngày 26 tháng 9 năm 1888, Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Tinh mang mấy chục người kéo lên vây làng Trà Bảo là nơi Vua Hàm Nghi đang đóng quân. Đến nửa đêm, khi chúng xông vào nhà thì Tôn Thất Thiệp đang ngủ nên bị chúng đâm chết, Vua Hàm Nghi thấy tên Ngọc làm phản bèn cầm thanh gươm đưa cho nó và bảo rằng: *“Mày giết tao đi còn hơn đưa tao về nộp cho Tây!”* Ngài chưa nói dứt lời thì một tên phản nghịch đằng sau lưng lén giật thanh gươm của Ngài và cả bọn bắt Ngài đưa lên vồng, rồi xuống bè về nạp cho bọn Pháp ở Đồn Thanh Lang, sau đó đưa về đồn Thuận Bài ở tả ngạn Sông Gianh, tỉnh Quảng Bình. Tôn Thất Đạm nghe tin nhà vua bị giặc bắt bèn tự vẫn mà chết.

Sau khi bị bắt, nhà vua nói với bọn phản thần và thực dân Pháp:

“Thôi ta đành theo mệnh trời, chúng bay muốn làm chi ta thì làm. Ăn thịt ta cũng được!”

Quân Pháp lấy vương lễ đối xử với nhà vua tuy nhiên ngay từ khi bị bắt, nhà vua không hề mở miệng nói một lời nào với người Pháp, cũng như không hề thừa nhận ngài là Hàm Nghi. Người Pháp không rõ nghe theo kế của ai bèn cho mời ông Nguyễn Nhuận vốn là thầy học của Vua Hàm Nghi hồi trước đến gặp nhà vua. Khi thấy thầy cũ, vua Hàm Nghi đứng dậy cúi đầu vái chào theo lễ nghiã thầy trò, do đó người Pháp mới biết rõ người tù đó chính là Vua Hàm Nghi.

Một tài liệu về lịch sử bằng Anh ngữ viết về chuyện này như sau:

“Hàm Nghi, vị vua mới có 16 tuổi, đã ứng xử đầy tư cách, từ chối không nói chuyện, ngay cả nói đến tên của mình, với những người Pháp bắt ông ta. Nhà vua cũng không thèm gặp cả thân nhân vì họ đã trở về với triều đình Huế và sống những ngày còn lại của đời ông trong sự lưu đày tại Algérie, thuộc địa của Pháp tại Phi Châu.”⁶



*Vua Hàm Nghi bị quân Pháp bắt tại Quảng Bình
Tranh vẽ-Nguồn: bellindochine*

Người Pháp đưa Vua Hàm Nghi về Huế tuy nhiên khi họ cho phép nhà vua vào hoàng thành để viếng thăm các vị mẫu hậu và người mẹ đang đau nặng một lần cuối cùng thì ông từ chối: *“Tôi thân đã tù tội, nước đã mất, còn dám nghĩ chi đến cha mẹ, anh chị em nữa?”*

Chiều ngày 25 tháng 11 năm 1888, người Pháp đưa nhà vua xuống tàu *La Comète* vào Sài Gòn rồi sau đó ngày 12 tháng 12 năm 1888, đưa lên tàu *Biên Hoà* đi sang Phi châu và đến Alger ngày 13 tháng 1 năm 1899. Người Pháp chọn ba người để đi theo chàng thanh niên Hàm Nghi mới 18 tuổi đầu sống cuộc đời lưu đày: ông Trần Bình Thanh, thông ngôn tiếng Pháp, một người hầu và một người đầu bếp. Họ cũng bắt triều đình Huế trợ cấp cho nhà vua mỗi năm 25,000 đồng quan để sinh sống nơi xứ người. Theo sử gia Fourniau thì đó là một số tiền rất lớn đối với người Việt Nam thời đó, tương đương với 4,981 đồng bạc, nếu so với một người ở tước quận công chỉ được lãnh có khoảng 200 đồng và 200 phượng gạo mà thôi.

Cuộc Đời Lưu Đày: Không Thèm Học Tiếng Pháp

Ngày 13 tháng 1 năm 1889, tàu *Biên Hoà* đến Algérie và nhà vua được đưa về sống tại Alger, thủ đô Algérie. Toàn Quyền Pháp tại Algérie lúc bấy giờ là *Louis Tirman*, một cựu y sĩ và anh hùng trong trận chiến tranh Pháp-Đức 1870, một người Pháp có đầu óc tiến bộ cho nên

đối xử với nhà vua rất lịch sự và cởi mở. Toàn quyền Tirman sau này đã nhiều lần mời Cựu Hoàng Hàm Nghi đến tư dinh dùng cơm với gia đình ông trong vòng thân mật. Có lẽ nhờ sự cảm tình đó, Toàn Quyền Tirman đã cấp cho Vua Hàm Nghi một căn biệt thự khá sang trọng mang tên là “*Villa des Pins*,” về sau nhà vua đổi tên là “*Biệt thự Hiên Tùng*”, tại làng El-Bekir, một khu lịch sự cách trung tâm thủ đô Alger chừng 5 cây số.

Để có khái niệm về sự ưu ái của Toàn Quyền Tirman dành cho ông vua bị lưu đày này, đến thập niên 1940 khi Tướng De Gaulle, Chủ tịch Phong Trào Kháng Chiến Pháp đổ bộ lên Alger, ông đã trú ngụ ngay tại biệt thự Villa des Pins và ít lâu sau đó, Đại Tướng Georges Catroux, Toàn Quyền Pháp, cũng cư ngụ tại biệt thự này. Như vậy thì biệt thự này là một biệt thự thuộc loại sang trọng nhất tại Alger chứ không phải là một căn nhà bình thường, vậy mà khi mới đặt chân lên Alger, Toàn Quyền Tirman đã chọn căn nhà này cho người tù Hàm Nghi và ông đã cư ngụ tại đó trong hơn 15 năm cho đến sau khi lập gia đình, vào năm 1906, Vua Hàm Nghi mới dời về một biệt thự khác gần đấy và được vua đặt tên là “*Villa Gia Long*”. Theo nhận xét của một tờ báo Pháp tại đây thì họ cho rằng “*Toàn Quyền Tirman đã đối xử với Hoàng Tử Annam như là một bậc quân vương chứ không phải là một người tù bị lưu đày.*”

Nhà văn Jules Roy, tác giả tác phẩm nổi tiếng “*Les Cheveaux du Soleil*” (Những con tuấn mã của mặt trời), một bộ tiểu thuyết gồm 6 cuốn viết về những chuyện xưa tích cổ của người Pháp tại xứ Algérie hồi thế kỷ thứ 19, về sau được quay thành một *série* vô tuyến truyền hình, thì Cựu Hoàng Hàm Nghi đã được giới thượng lưu trí thức và quý tộc đón tiếp vô cùng nồng hậu ngay từ khi nhà vua mới đặt chân lên xứ Phi Châu này.

Jules Roy cho biết khi Vua Hàm Nghi mới xuống tàu tại hải cảng Alger, một trong những người địa phương đi đón ông vua bị lưu đày là *Nam Tước De Vialar*, dòng dõi của gia đình De Vialar, chủ nhân khu đồn điền rộng lớn nhất tại vùng Fort-de-L’Eau kế cận thủ đô Alger, là một gia đình giàu có và danh vọng nhất trong giới người Pháp lập nghiệp tại Algérie, sau này được gọi là dân “*Chân Đen*” (Pieds-Noirs). Nam Tước De Vialar đã cởi ngay chiếc áo choàng mà ông đang mặc phủ lên người nhà Vua khi ông thấy người tù bị lưu đày này đang run lên vì lạnh. Cử chỉ đầy tình người này của một nhà quý tộc và sĩ quan cao cấp người Pháp này về sau đã trở thành một trong những yếu tố khiến cho Vua Hàm Nghi, tuy luôn luôn thù hận thực dân Pháp tại Việt Nam, nhưng lại bớt thù ghét người Pháp tại Algérie và thay đổi hẳn quan niệm của nhà vua đối với người Pháp và nhất là nền văn hoá của người Pháp đang ngự trị khắp vùng Bắc Phi vào thời đó.⁷

Vào cuối thập niên 1880 đầu thập niên 1890, có một số rất ít người Việt Nam đang sống tại Algérie, đa số là những thanh niên người Nam Kỳ được người Pháp cấp học bổng để theo học tại các trường trung học đệ nhị cấp (lycée) vì tại Việt Nam chưa có ban Tú Tài. Trong một tác phẩm mang tên là “*Như Tây Như Trịnh*” (De Saïgon à Paris) xuất bản vào năm 1888, cụ Trương Minh Ký có ghi lại cuộc hành trình mà ông đã hướng dẫn 10 du học sinh Việt Nam sang Phi châu vào năm 1880 bằng 2,000 câu thơ song thất lục bát. Có lẽ đây là chuyến đầu tiên một số người Việt Nam được học bổng sang học tại Algérie, trong số đó sau này có người được sang Pháp du học và một trong những người nổi tiếng trong số này là Hoạ Sĩ Lê Văn Miến, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris năm 1897. Khi Vua Hàm Nghi đến Algérie vào năm

1889 thì có lẽ những người đầu tiên đã tốt nghiệp trung học rồi sang Pháp học đại học và những người đang theo học bậc trung học thì được đưa sang ở những chuyến sau. Những thanh niên này tuy được người Pháp ưu đãi nhưng họ vẫn có tinh thần yêu nước, do đó họ đã đi đón tiếp nhà vua và thường tới lui thăm viếng, hầu cận và giúp đỡ cho nhà vua bị lưu đày làm quen với nếp sống và nền văn hoá hoàn toàn mới lạ tại xứ người. Có một số đã được vua Hàm Nghi dành cho nhiều ưu ái và đặc biệt có một người được nhà vua xem như là thân tín, đó là ông Bùi Quang Chiêu.

Gia đình ông Bùi Quang Chiêu vốn gốc người Huế nhưng vào sinh sống tại làng Đa Phước huyện Mỹ Cày thuộc tỉnh Định Tường (bây giờ là Bến Tre), vào thế kỷ thứ 19 là một gia đình khoa bảng. Theo Giáo sư Hứa Hoành thì ông nội của ông Chiêu là cụ Bùi Quang Nghi, đậu cử nhân năm 1842 nhưng không ra làm quan, hai người em kế cũng đều đậu cử nhân là Bùi Quang Phong làm Án sát Nam Định và Bùi Hữu Thanh làm tri phủ Phước Tuy sau làm đốc học tỉnh Biên Hoà.

Ông Bùi Quang Chiêu sinh năm 1871, thưở nhỏ học trường Chasseloup Laubat tại Sài Gòn, sau đó sang Algérie học ban Tú Tài rồi sang Pháp học trường Thuộc Địa tức là trường mà ông Nguyễn Tất Thành nộp đơn xin vào học năm 1911 nhưng không được chấp thuận. Sau đó, ông vào học trường Institut National d'Agronomie (Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp) và tốt nghiệp kỹ sư vào năm 1897.⁸

Khi Vua Hàm Nghi đến Alger thì ông Bùi Quang Chiêu bắt đầu vào học bậc đệ nhị cấp và dường như vì tuổi tác không chênh lệch, cùng tuổi với nhà vua, do đó đã được nhà vua đối xử không phải như là vua tôi mà là bạn bè đồng lứa. Về sau, trưởng nữ của Vua Hàm Nghi là Công Chúa Nhữ Mây (Như Mai) cũng theo gương Bùi Quang Chiêu, người được thân phụ của bà xem như là bạn bè, đã vào học trường Institut National d'Agronomie ở Paris và bà là người phụ nữ đầu tiên đã đậu thủ khoa ở trường này vào năm 1926.

Có lẽ chịu nhiều ảnh hưởng của Vua Hàm Nghi cho nên sau khi trở về nước, ông Bùi Quang Chiêu đã cùng với Kỹ sư Nguyễn Phú Khai, một người Việt Nam từng du học tại Pháp và đã được *Pierre Loti*, nhà đại văn hào Pháp đỡ đầu, sáng lập tờ báo "*La Tribune Indigène*" (Diễn Đàn Bản Xứ) vào năm 1917 để tranh đấu cho quyền tự trị của người Việt Nam. Chỉ được mấy năm thì tờ báo này bị đình bản, ông Bùi Quang Chiêu lại cùng ông Nguyễn Khắc Vệ, Tiến sĩ Luật Khoa, xuất bản tờ báo "*La Tribune Annamite*" (Diễn Đàn của người Việt Nam) để tiếp tục tranh đấu và nhất là kêu gọi toàn dân Việt Nam hãy tẩy chay các tiệm của người Tàu để mở mang, phát triển kinh tế của nước nhà. Tờ báo này ít năm sau cũng bị đình bản và đến năm 1926 thì ông lại xuất bản tờ báo "*La Tribune Indochinoise*" (Diễn Đàn Đông Dương) cũng cùng mục tiêu nhưng ngoài ra còn hỗ trợ cho một chính đảng mà các ông mới thành lập.

Cũng trong thời gian này, ông Bùi Quang Chiêu cùng với các ông Luật sư Dương Văn Giáo, Kỹ sư Nguyễn Phú Khai, Luật sư Nguyễn Khắc Vệ, nhà báo Nguyễn Phan Long, Bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh v.v. thành lập *Đảng Lập Hiến* (Partie Constitutionnelle) để chính thức tranh đấu, đòi hỏi thực dân Pháp phải cho người Việt Nam được hưởng quyền tự trị và phải công bố một bản *hiến pháp* để người dân có thể được hưởng một số quyền tự do theo như bản

hiến pháp đó quy định, tương tự như các quyền hạn mà Anh Quốc đã dành cho các *Commonwealth* của họ như Canada, Úc Đại Lợi v.v.

Đảng Lập Hiến được xem như là một đảng chính trị đầu tiên của người Việt Nam hoạt động một cách công khai và hợp pháp hồi đầu thế kỷ thứ 20, tuy có được sự ủng hộ của một nhóm trí thức và cũng được một số người Pháp tiến bộ như Charles Bellan, cựu công sứ tức là tỉnh trưởng Pháp ủng hộ, nhưng thực dân Pháp không bao giờ nhượng bộ sự đòi hỏi chính đáng của người Việt Nam do đó Đảng Lập Hiến về sau càng mất dần ảnh hưởng rồi ngưng hoạt động vào năm 1941. Tháng 9 năm 1945, ông Bùi Quang Chiêu cùng ba người con trai của ông đều bị Việt Minh giết chết tại Sài Gòn.

Không rõ trước thời Đệ Nhị Thế chiến ông Bùi Quang Chiêu có liên lạc với Cựu Hoàng Hàm Nghi hay không, tuy nhiên Vua Hàm Nghi không thể được biết về cái chết của người bạn cũ của ông tại Alger vì nhà vua đã qua đời vào năm 1944.

Ngay từ khi mới đặt chân lên đất Algérie, Vua Hàm Nghi đã được chính quyền thuộc địa cũng như là giới thượng lưu và quý tộc địa phương dành cho sự tiếp đãi ân cần, tuy nhiên nhà vua vẫn còn mang nặng lòng thù hận đối với người Pháp. Dù được khuyến khích nhưng trong năm đầu tiên Ngài nhất định từ chối không thêm học tiếng Pháp để liên lạc với người Pháp và cả người địa phương, Ngài chỉ nói tiếng Việt trong mọi sự giao tiếp và ông Trần Bình Thanh phải lo việc thông dịch cho Ngài.

Như vậy, từ khi bị bắt vào tháng 9 năm 1888 cho đến năm 1900, Vua Hàm Nghi không thêm nói chuyện trực tiếp với người Pháp, tuy nhiên dần dà, có lẽ vì có cảm tình với những người Pháp tại địa phương, có lẽ vì chịu ảnh hưởng bởi một số du học sinh người Việt Nam như ông Bùi Quang Chiêu và cũng có lẽ vì nhu cầu cần được giao tiếp với người chung quanh, nhu cầu cần được hiểu biết về nền văn hoá trong môi trường sinh sống hoàn toàn mới lạ và nhất là nhu cầu cần mở mang kiến thức, Vua Hàm Nghi đã thay đổi thái độ và bắt đầu chịu học tiếng Pháp. Khi đó Ngài đã gần 20 tuổi, một cái tuổi được xem như là quá chậm để học một ngôn ngữ mới, tuy nhiên chỉ trong một thời gian rất ngắn, chàng thanh niên Việt Nam bị lưu đày này đã ăn nói trôi chảy, về sau rất giỏi tiếng Pháp và được tất cả mọi người tại Alger gọi bằng một danh vị đầy thương mến và kính trọng: “*Le Prince d’Annam*” (Hoàng Tử Xứ Việt Nam). Một tờ báo ở Alger đã viết như sau về cái tên đó: “...*một người bị xem như là tù nhân chính trị được nổi tiếng dưới cái tên “Prince d’Annam,” cái tên mà báo chí cũng như là công chúng đã gọi ông ngay từ năm 1889, khi ông mới bị đưa đến sống cuộc đời lưu đày tại thành phố này...*”⁹

Thượng Khách của Giới Thượng Lưu Quý Tộc ở Alger

Người tù bị lưu đày biệt xứ Hàm Nghi đến nước Algérie vào đầu năm 1889 và được viên toàn quyền Pháp tại xứ này cho trú ngụ tại một công thự mang tên là “*Villa des Pins.*” Trong một cuốn sách viết bằng tiếng Pháp nhan đề *Le Laos*, trong chương “*La Cour d’Annam en fuite dans la province,*” tác giả có viết về Vua Hàm Nghi và ngôi biệt thự này như sau:

“Cựu Hoàng Hàm Nghi, ngày nay được mọi người gọi là “Hoàng Tử Xứ Annam” cư ngụ tại Biệt thự Villa des Pins trong làng El Biar, trên những ngọn đồi rực rỡ Mustapha Thượng ở cách thủ đô Alger chừng vài cây số. Ông sống ở đây trong sự cô tịch, chỉ đón tiếp một vài người bạn thân tình mà có lẽ những cảm tình của họ đã giúp cho ông chịu đựng được những nỗi thống khổ khát khe của cuộc sống lưu đày nơi xứ người. Có lẽ không ai mô tả được về vị hoàng tử này khéo hơn là nhà vẽ hoạ đồ nổi tiếng De Varigny trong một bài được đăng trên báo Le Temps vào tháng 12 năm 1894:

“Tám danh thiệp mang hàng chữ “Hoàng Tử Annam,” chỉ có vậy thôi, nhưng đối với tôi thì mang thật nhiều ý nghĩa vì qua một người bạn, ông ta đã chấp thuận đón tiếp tôi vào ngày hôm sau.

Rời Alger, chiếc xe hơi leo từ từ lên cao nguyên Sahel hướng về vùng đồi núi Mustapha Supérieur. Ngay khi chúng tôi lên đồi, nhìn về phía trước, cảnh vật càng lúc càng mở rộng và đẹp lộng lẫy, nhìn về sau lưng, thành phố Alger màu trắng nổi bật lên giữa màu xanh của biển Địa Trung Hải với những cánh buồm màu trắng tựa như những đôi cánh của đàn chim hải âu đang cất cánh tung trời.

Khi đến làng El Biar, chiếc xe ngừng lại trước cổng sắt của một ngôi nhà mang tám biển “Villa des Pins.” Một con đường nhỏ hai bên là hai rặng thông già chạy dài đến một ngôi nhà kiến trúc theo kiểu mauresque (kiểu của người Maures ở Bắc Phi), một ngôi nhà đơn giản nhưng rộng rãi đằng sau một cái sân rộng đầy những luống hoa rất đẹp.

Đó là nơi mà Hàm Nghi, Hoàng Tử Xứ Annam đang sinh sống. Ông ta đã ở đó từ năm năm qua và dường như vào trạc 24 tuổi. Tuổi thật của ông ta, ông ta không thèm để ý đến hay là chỉ muốn cố tình dấu đi vì có ích lợi gì mà nhớ đến con số của những năm tháng lưu đày! Khi hỏi về thời thơ ấu, ông ta giữ im lặng, về thời trưởng thành thì thật là bi đát khi ông ta nghĩ đến thời gian khi mới còn là một thiếu niên trẻ tuổi, ông ta được thừa kế ngai vàng rồi chẳng bao lâu sau đó phải bôn đảo qua khắp nẻo đường đất nước của ông đang bị xâm chiếm...

“Khi đặt chân xuống vùng đất Phi Châu thuộc Pháp này, một quốc gia mà cái tên ông ta cũng chưa hề được biết đến, ông ta đã từ chối không thèm học cái ngôn ngữ của những người đã giam cầm ông, ông đã tự giam mình trong một sự câm lặng kiên cường...”¹⁰

Từ thái độ bất hợp tác ngay từ khi mới bị giặc Pháp bắt tại Quảng Bình vào năm 1888 đến việc không thèm học tiếng Pháp khi mới đến Algérie vào đầu năm 1889, Vua Hàm Nghi đã thay đổi lập trường vào khoảng một năm sau ngày đến Phi Châu và bắt đầu học tiếng Pháp cũng như là giao tiếp với một số người địa phương. Cái nguyên nhân khiến cho Vua Hàm Nghi thay đổi thái độ có lẽ là do cái cử chỉ đầy tình người của một nhà quý tộc Pháp, Nam Tước Alfred de Vialar, đã cởi chiếc áo choàng đang mặc để khoác lên vai nhà vua khi Nam Tước thấy ông đang run lên vì lạnh và cũng chính nhân vật này về sau đã mở đường cho nhà vua theo học về ngành hội hoạ.

Nam Tước Jules “Alfred” de Vialar là hậu duệ của vị nam tước đã đi tiên phong trong việc mở mang và khai thác thuộc địa Algérie cho nước Pháp và gia đình của ông được xem như là gia đình quý tộc, giàu có, danh vọng và có uy tín nhất tại Algérie, ông cũng là cháu ruột của

bà *Thánh Emilie de Vialar*, người khai sáng “*Dòng Nữ Tu St Joseph of the Apparition*”. Vợ của Nam Tước là bà *Berthe Alexandrine Patricot*, con gái của một vị kỹ sư Cầu Cống (Ponts et Chaussées) cũng là một nhân vật nổi tiếng tại xứ Algérie hồi thế kỷ thứ 19. Bà Nam Tước de Vialar lại là người giàu có, yêu văn chương, nghệ thuật và đã tổ chức những buổi sinh hoạt về văn học nghệ thuật, thể thao tại tư gia của ông bà và những buổi sinh hoạt đó được xem như là nơi thu hút hầu hết những danh nhân và thành phần thượng lưu trí thức của thủ đô Alger. Một trong những người nổi tiếng tại “salon” của bà Nam Tước De Vialar là Bà *Hoàng Ranavalo*, cựu Nữ Hoàng của Đảo quốc Madagascar cũng đang sống lưu vong tại Alger.

Một nhà nghiên cứu về Algérie cho biết rằng:

*“Bà Nam Tước Alfred de Vialar là một người đàn bà thông minh, cương nghị và là một người bạn của giới văn học nghệ thuật. Bà được xem như là vị chủ tịch của xã hội thượng lưu tại Alger (la haute société algéroise) từ những năm đầu của nền Đệ Tam Cộng Hoà Pháp (từ 1870). Để có thể được mời tham dự vào những buổi họp mặt trong những salons của bà Nam Tước de Vialar, ngoài những người thuộc dòng dõi thế gia vọng tộc thì những người khác ít nhất cũng phải thuộc thành phần trí thức, thậm chí có nhiều người đã phải học cho thuộc cả 12 thành quả của Hercules để được mời...”*¹¹

Không rõ Vua Hàm Nghi bắt đầu được mời đến tham dự vào những buổi sinh hoạt tại nhà bà Nam Tước De Vialar từ bao giờ, tuy nhiên nhà văn Jules Roy cho biết sự hiện diện của nhà vua trong một cuộc họp mặt tại salon của bà Nam Tước như sau:

“...Ông Đại Tá chỉ cho tôi bà Hoàng Ranavalo phì nộn với gương mặt tròn như một vầng trăng màu cà phê sữa bao trùm bởi một nỗi buồn xa xứ, người ngồi trong im lặng bên cạnh bà là “Le Prince d’Annam” (Hoàng Tử Annam,) chính bản thân ông ta cũng là một kẻ bị lưu đày, người mảnh khảnh nhỏ bé, trên đầu đội một chiếc khăn (đóng) màu đen dường như đang run rẩy vì lạnh trong chiếc áo dài cũng màu đen và quần xa tanh màu trắng. Mọi tình cảm sâu đậm giữa ông Hoàng Tử Xứ Annam với gia đình Nam Tước de Vialar có lẽ bắt nguồn từ một cử chỉ của Nam Tước khi ông đích thân cởi chiếc áo choàng đang mặc trên người để khoác lên đôi vai gầy của ông hoàng bị lưu đày đang run rẩy vì lạnh vào buổi sáng đầu tiên khi ông hoàng này mới đặt chân lên đất Algérie...

*“Ông Hoàng Xứ Annam, gầy guộc như một cây sậy, nói về hội họa, nói về hoạ thất (atelier) tại ngôi biệt thự của ông ở làng El Biar...”*¹²



*Vua Hàm Nghi trong quốc phục cổ truyền tại Alger.
(Nguồn: Es'mma)*

Một người khách quen thuộc có mặt gần như thường xuyên tại các buổi họp mặt của bà Nam Tước De Vialar là ông Louis Tirman, Toàn Quyền Pháp tại Algérie. Toàn Quyền Tirman là bạn thân của ông bà Nam Tước De Vialar cho nên đã đối xử với Hoàng Tử Xứ Annam, cũng là người được cả ông bà Nam Tước xem như là bạn, như là một vị khách quý tại thuộc địa Algérie chứ không phải là một người tù bị lưu đày. Đó cũng là một trong những lý do mà Toàn Quyền Tirman đã dành cho Vua Hàm Nghi một biệt thự khang trang rộng rãi tại làng El Biar trong khu đồi núi sang trọng Mustapha Supérieur từ ngày nhà vua mới đặt chân đến Algérie vào năm 1890 cho đến ngày Ngài lập gia đình sau đó hơn 15 năm.

Theo tài liệu của Pháp thì Vua Hoàng Hàm Nghi bị áp giải đưa xuống Thuận An vào ngày 21 tháng 11 năm 1888 rồi xuống tàu Comète vào Sài Gòn. Ngày 12 tháng 12 năm đó, nhà vua lại bị đưa lên tàu Biên Hoà và đến Algérie vào ngày chủ nhật 13 tháng 1 năm 1889, có lẽ Ngài đã gặp Nam Tước Alfred de Vialar trong ngày này. Sau khi đến Alger, Ngài được đưa về trọ tại khách sạn *L'Hôtel de la Régence* trong 10 ngày và Toàn Quyền Tirman đã tìm được toà biệt thự Villa des Pins, ở làng El Biar để cấp cho nhà vua. Sau đó, vào ngày 24 tháng 1 năm 1889, Toàn Quyền Tirman mời Vua Hàm Nghi đến tiếp kiến và dùng cơm gia đình tại Phủ Toàn Quyền. Lúc bấy giờ nhà vua chưa nói tiếng Pháp, chỉ nói chuyện qua người thông dịch là Trần Bình Thanh, tuy nhiên thái độ lịch sự và nhã nhặn của viên toàn quyền, nhân vật cao cấp nhất của chính quyền thực dân Pháp tại Algérie đã gây được cảm tình với nhà vua và có lẽ nhờ thế mà mối hận thù nung nấu trong lòng của Ngài đối với người Pháp tại đây cũng có phần giảm bớt. Tuy nhiên trong vòng gần một năm trời, Ngài từ chối không thèm học tiếng Pháp vì cho rằng đó là ngôn ngữ của bọn cướp nước, do đó Ngài chỉ nói tiếng Việt với ba người được cử đi theo săn sóc cho Ngài, ăn cơm Việt Nam do người đầu bếp Việt Nam nấu và đặc biệt là trong suốt 55 năm sống lưu đày, Ngài luôn luôn để tóc búi “*củ hành*”, đội khăn đóng và mặc áo dài đen đúng theo phong tục cổ truyền của người Việt Nam từ thế kỷ thứ 19.

Môi Tình Việt-Pháp: Hàm Nghi-Marcelle Laloë



Khác với người Pháp tại Đông Dương luôn luôn coi thường và khinh miệt người dân bản xứ vì bọn thực dân Pháp đến xâm chiếm Đông Dương với mục đích khai thác thuộc địa này, chính sách của Pháp ở Algérie tương đối cởi mở hơn và đã thu hút được một số rất lớn người Pháp và Âu châu đến lập nghiệp, thành phần này tự xem họ là người địa phương và họ có tinh thần tiến bộ hơn, do đó họ đón nhận sự hội nhập vào xã hội thượng lưu của họ những người ngoại quốc đến từ phương xa, nhất là những người thuộc dòng dõi quý tộc như cựu Nữ Hoàng Madagascar *Ranavaloa* và ông “*Hoàng Tử Annam.*”

Vua Hàm Nghi bắt đầu học tiếng Pháp từ cuối năm 1889 nhưng không rõ ông bắt đầu sinh hoạt tại *salon* của bà Nam Tước de Vialar từ bao giờ, tuy nhiên vào thập niên 1890 thì ông được xem như là một cái đinh thu hút được sự chú ý và cảm tình của mọi người tại đây, một phần vì con người Á Đông của ông, vì tư cách của ông, một phần vì ông là đại diện cho nền văn hoá Đông phương xa xôi và bí ẩn (exotic), đại diện cho Nho giáo trong một xã hội chỉ biết có nền văn minh Thiên Chúa giáo và Hồi Giáo tại Bắc Phi.

Chính trong môi trường sinh hoạt của giới trí thức và văn nghệ sĩ tại Alger mà chàng thanh niên Việt Nam mới ngoài 20 tuổi đã trưởng thành, ông hiểu rõ là giấc mơ trở về cố quốc của ông đã trở thành vô vọng, do đó ông quyết tâm học hỏi để tìm lãng quên trong cuộc sống lưu đày và một hướng đi cho cuộc đời còn lại nơi xứ người, đó là con đường nghệ thuật. Chính nhờ sự hiểu biết và thành công trong lãnh vực nghệ thuật mà Hoàng Tử Annam càng ngày càng được giới thượng lưu trí thức ngưỡng mộ và chấp nhận ông vào hàng ngũ của họ tại thủ đô Alger dù rằng ông chỉ là một người da vàng.

Vào thời gian những năm cuối cùng của thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20, có một vị thẩm phán từ nước Pháp được chuyển sang Alger giữ chức vụ Chánh Biện Lý Toà Thượng Thẩm Alger, đó là quan toà *François Laloë*, một người thuộc dòng dõi thế gia vọng tộc tại miền Nam nước Pháp. Quan toà *Laloë* có vợ, chỉ có một cô con gái tên là *Marcelle Aimée Léonie Laloë*, lúc sang Algérie mới chừng khoảng 16 tuổi. Một nhà trí thức, một viên chức đứng hàng đầu của ngành tư pháp thuộc địa tại Algérie, ông Chánh Biện Lý *Laloë* dĩ nhiên là phải lui tới tham dự những sinh hoạt văn nghệ dành cho giới thượng lưu ở thủ đô Alger, nơi mà Toàn Quyền Tirman vẫn thường lui tới, đó là gia đình bà Nam Tước De Vialar.

Vào thời gian đó, Hoàng Tử Annam đã sống tại Alger hơn mười năm, ông nói tiếng Pháp không thua gì người Pháp, lại là một nhân vật đã được mọi người trong giới văn nghệ Alger biết đến và ngưỡng mộ, do đó gia đình ông Chánh Biện Lý *Laloë* quen biết với ông Hoàng Tử Annam thì cũng chẳng lấy gì làm lạ. Không rõ mối liên hệ giữa Hoàng Tử Annam và ông toà *Laloë* bắt đầu từ bao giờ, tuy nhiên có một số tài liệu cho thấy trước đó, cho đến năm 1902, Hoàng Tử Annam đã có nhiều liên hệ bạn bè với một số phụ nữ Tây Phương tại Algérie cũng như là tại Pháp, đặc biệt là nhà văn *Judith Gautier*, con gái của đại văn hào Théophile Gautier cùng với người bạn thân của bà là bà Suzanne Meyer-Zundel và một nhà văn nữ người Nga là T.L. Sepkina-Kupernhic...

Ông toà *Laloë* có lẽ vốn là người có tư tưởng tiến bộ cho nên đã không chống đối hay ngăn cản sự giao du giữa con gái của ông và ông Hoàng Tử Annam, một người dân của một nước thuộc địa của Pháp tại Á châu. Có lẽ nhờ sự trí thức và tâm hồn cởi mở của ông Toà *Laloë* mà cô Marcelle *Laloë* được tự do tiếp xúc với ông Hoàng Tử Annam trong những buổi sinh hoạt tại salon của bà Nam Tước de Vialar và dần dà cô thiếu nữ này càng có cảm tình với chàng thanh niên Á Đông lớn hơn nàng đến 13 hay 14 tuổi. Mấy lâu sau thì mối tình cảm giữa hai người càng trở nên sâu đậm, họ trở thành “*y trung nhân*” rồi sau đó được phép ông Toà *Laloë* cho làm lễ đính hôn. Trong thời gian này, người dân Alger thường thấy hai người ngồi trên xe song mã đi chơi với nhau, một thiếu nữ người Pháp da trắng và một thanh niên Á Đông đầu tóc búi, đội khăn đóng, mặc áo dài đen, một loại trang phục được xem như là độc đáo có một không hai trong xã hội người Pháp và người Bắc Phi tại thủ đô Alger.



Hàm Nghi và cô Laloë đi dạo bằng xe ngựa tại Alger
(Nguồn: *Es'mma*)

Đám Cưới của Vua Hàm Nghi

Ngày 4 tháng 11 năm 1904, ông Toà François *Laloë* đứng ra làm chủ hôn cho con gái Marcelle *Laloë* và Cựu Hoàng Hàm Nghi trong một buổi hôn lễ trọng thể tại thánh đường của Toà Tổng

Giám Mục Alger với sự tham dự của hầu hết giới thượng lưu trí thức tại thủ đô nước này và đặc biệt là hàng ngàn người dân thành phố Alger đứng đông đặc trước nhà thờ để được chiêm ngưỡng đôi uyên ương Pháp-Việt này sau lễ cưới.

Dưới đây là phóng ảnh cái tựa của bài báo tường thuật lại « *Đám Cưới của Hoàng Tử Annam* » tại Toà Tổng Giám Mục Alger của phóng viên Gérard Dupeyrot và đặc biệt là với sự « *cộng tác quý báu* » của thân phụ cô dâu, ông François Ferrer Laloë vào năm 1904 :

Dans le cadre de notre grande enquête "ALGER LA JAUNE"

[Le Mariage du Prince d'Annam](#)

**De notre envoyé sur place Gérald Dupeyrot,
avec le précieux concours de François Ferrer- Laloë .**

Archevêque , novembre 1904

(Nguồn : es'mma)

Đây có thể được xem như là một sự kiện lịch sử đối với cả người Pháp và người dân Algériens tại thủ đô Alger hồi đó cho nên dù không được mời vào dự lễ bên trong thánh đường, họ cũng đã kéo đến trước sân ngôi nhà đối diện nhà thờ để chờ được chiêm ngưỡng tân lang và tân giai nhân khi họ bước ra khỏi thánh đường. Dưới đây là hình ảnh đám đông đó được chụp lại và về sau được phổ biến như là những tấm cartes postales.



Dân chúng Alger chờ xem mặt cô dâu chú rể đối diện nhà thờ Alger (Nguồn: es'mma)

Trong ngày lễ cưới, cô dâu *Laloë* mặc áo cưới màu trắng cổ truyền của Tây phương, còn chú rể thì đầu đội khăn đóng, mặc áo dài đen, đó là y phục cổ truyền của quê hương mà ông đã bị cưỡng bách rời bỏ cách đó mười lăm năm.



Hàm Nghi và Marcelle Laloë sau lễ thành hôn
(Nguồn: es'mma)

Bà Marcelle *Laloë* theo đạo Thiên Chúa giáo còn Vua Hàm Nghi thì vẫn giữ tôn giáo truyền thống của đất nước, tuy nhiên ông rất tôn trọng tín ngưỡng của bà, vào ngày chủ nhật vẫn thường đưa bà đi lễ ở nhà thờ Thánh Philippe tức là nhà thờ của toà Tổng Giám Mục Alger và cũng tại ngôi thánh đường này hôn lễ đã diễn ra dưới sự chủ lễ của vị Tổng Giám mục Alger. Chính vị Tổng Giám Mục Alger đã ban phép lành cho Vua Hàm Nghi và cô Marcelle *Laloë* , kể từ đó được gọi là “*La Princesse d’Annam*” tức là Vương Phi của nước Annam, vợ của Hoàng Tử Annam, vì theo truyền thống của nhà Nguyễn thời đó, vợ của vua không được gọi là hoàng hậu-cho đến thời Vua Bảo Đại thì mới bỏ luật này và Vua Bảo Đại đã phong cho vợ là Nam Phương Hoàng Hậu.



*Hàm Nghi đưa cô Marcelle Laloë đi nhà thờ
(Nguồn: Es'mma)*

Vua Hàm Nghi và bà Marcelle Laloë sống trong hạnh phúc cho đến ngày nhà vua từ giả cõi đời tại Alger vào năm 1944, hưởng thọ 73 tuổi và bà Laloë về sau trở về sống với con gái là Công chúa Nhữ Mây tại lâu đài Losse ở miền Nam nước Pháp vốn là quê hương của bà và từ trần vào ngày 5 tháng 9 năm 1974, thọ 90 tuổi.

Hàm Nghi là vị vua thứ 8 của triều Nguyễn, ông là vị vua duy nhất chỉ có một đời vợ, không hề có phi tần mỹ nữ nào và cho đến năm 1944 lại là vị vua sống thọ nhất trong 12 đời vua nhà Nguyễn. Cựu Hoàng Bảo Đại, vị vua thứ 13 và cuối cùng của triều Nguyễn thọ 84 tuổi.

Các con của Vua Hàm Nghi

Vua Hàm Nghi và bà Laloë sinh được ba người con: Công Chúa Nhữ Mây sinh năm 1905, Công Chúa Như Lý sinh năm 1908 và Hoàng Tử Minh Đức sinh năm 1910.

Có nhiều người, kể cả người viết này, trước đây đều tưởng rằng trưởng nữ của Vua Hàm Nghi tên là Như Mai, tuy nhiên gần đây, bà Mathilde Tuyết Trần tại Pháp có tìm ra được một tài liệu do chính Công Chúa viết tên của bà có dấu tiếng Việt là Công Chúa Nhữ Mây:

“Người con gái đầu lòng của Vua Hàm Nghi với bà Marcelle Laloë mang tên, theo sổ sách hành chánh của Pháp ghi chép nguyên bản lúc bà qua đời là: Nhu-May, Suzanne, Henriette UNG LỊCH HÀM NGHI D’ANNAM, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1905 tại El Biar (Algérie), cư trú tại “La petite maison de Losse” (Căn nhà nhỏ của Losse), qua đời ngày 1 tháng 11 năm 1999 tại nhà thương của thị trấn Viégeois (vùng Corrèze) Pháp, thọ 94 tuổi. Bà Công Chúa Nhữ-Mây sống độc thân, không có hậu duệ, lúc sinh thời là ” nhà nông. ”

Theo chữ ký của bà có bỏ dấu tiếng Việt trong văn tự còn được lưu trữ thì tên của bà là Nhữ Mây. Một cái tên rất lạ và rất đẹp. Trong các văn bản chính thức, bà ký tên là Nhữ Mây d’Annam.”¹³



Công chúa Nhữ Mây
Nguồn: Missi

Trong một tài liệu bằng tiếng Pháp đăng kèm bài báo “Le mariage du Prince d’Annam” đề cập đến ở trên, người viết thấy tờ báo có nói rõ về các con của Vua Hàm Nghi: “*Cả ba người con của ông đều có mang tên “d’Annam” : Nhữ Mây, Như Lý và Minh Đức...*” (Ses trois enfants portent le nom “d’Annam » : Như-May, Nhu-Ly et Minh-Duc...)

Công Chúa Nhữ Mây học rất giỏi, bà thi đậu vào trường Institut National d’Agronomie và tốt nghiệp thủ khoa trường này vào năm 1926, bà là một kỹ sư về nông nghiệp chứ không phải là “*nhà nông.*” Hồi thập niên 1970, người viết có nghe được nhiều người Việt Nam ở Pháp nói rằng “*Công Chúa Nhữ Mây là một trong những người đàn bà giàu có nhất nước Pháp*”. Bà mất năm 1999, thọ 94 tuổi.

Người con gái thứ hai của Vua Hàm Nghi là Công Chúa Như Lý, kết duyên với Bá Tước François Barthomivat de la Besse, có ba người con: Françoise, Philippe và Anne. Françoise Barthomivat de la Besse có ba người con, Tử Tước Philippe Barthomivat không có con và Anne Alice Marie Barthomivat de la Besse cũng có ba người con. Bà qua đời năm 2005, thọ 97 tuổi.

Hoàng Tử Minh Đức có lập gia đình nhưng không có hậu duệ. Ông vào học trường Võ Bị Saint-Cyr của Pháp và sau đó phục vụ trong quân đội và về hưu với cấp bậc Đại Tá. Năm 1946, người Pháp muốn gửi ông sang phục vụ tại Đông Dương nhưng ông quyết liệt từ chối. Đại sứ Jean de Latour Dejean, một người bạn thân và đồng ngũ của Hoàng Tử Minh Đức kể lại cho biết khi được lệnh sang Việt Nam, Hoàng Tử Minh Đức đã tuyên bố với chính phủ Pháp như sau:

“Tôi không thể cầm súng bắn lại đồng bào của tôi. Nếu Chính phủ Pháp muốn đưa tôi ra trước toà án quân sự thì tôi phải chịu nhưng tôi không thể đi sang Việt Nam để đánh giặc cho người Pháp và chống lại người Việt Nam.”

Người Pháp sau đó đã đưa ông sang Algérie phục vụ trong một đơn vị lính Lê Dương. Hoàng tử qua đời năm 1990, thọ 80 tuổi.

Có một chi tiết đầy thú vị là khi Thiếu Tá Minh Đức chỉ huy một đơn vị Lê Dương tại Algérie thì cũng có một hoàng tử người Việt Nam đang phục vụ với tư cách là trung úy thiết giáp, đó là Hoàng Tử Bảo Long, con đầu lòng của Vua Bảo Đại. Nếu so vai vế trong hoàng gia thì Hoàng Tử Bảo Long phải gọi Hoàng Tử Minh Đức bằng “ông” vì ông Minh Đức ngang

hàng với Vua Khải Định, thân phụ của Vua Bảo Đại. Thiếu Tá Minh Đức không phải là cấp chỉ huy trực tiếp của Trung Úy Bảo Long, tuy nhiên vào thời gian sau Hiệp Định Genève, vào khoảng năm 1955-1956, thì trong hàng ngũ Lê Dương của Pháp tại Algérie chỉ có hai sĩ quan người Việt Nam, do đó hai người có cơ hội quen nhau.

Một sử gia người Pháp sau này có viết như sau:

*“Hình ảnh của Đế quốc Annam lại trở dậy khi Bảo Long gặp người con của Hàm Nghi, vị hoàng đế trẻ tuổi bị truất phế cuối thế kỷ trước vì hoạt động chống lại thực dân Pháp. Ông ta (Minh Đức) cũng là sĩ quan Lê Dương. Hai người quen nhau và trò chuyện. Cũng là một sự éo le: cả hai đều là hậu duệ của hai ông vua nhà Nguyễn nay cùng chiến đấu chung dưới một lá cờ để bảo vệ cho một thuộc địa lớn cuối cùng của nước Pháp.”*¹⁴

Hiện nay, hậu duệ của Vua Hàm Nghi chỉ còn có ba người cháu ngoại và 6 người cháu, tất cả đều là người Pháp. Tuy nhiên theo ông Nguyễn Ngọc Giao thì hình như Vua Hàm Nghi còn có một người con trai không chính thức và người con này có một cô con gái hiện đang sống tại Pháp nhưng bà này không muốn lộ diện.¹⁵

Năm 1965, dường như là theo đề nghị của Tổng Thống Pháp De Gaulle¹⁶, Công Chúa Nhữ Mây đã cải táng mộ của Vua Hàm Nghi từ Alger về an táng tại nghĩa trang của gia đình trong lâu đài Losse thuộc làng Thonac, tỉnh Sarlat-la-Canéda, vùng Dordogne ở miền Nam nước Pháp. Bà Marcelle Lalø cũng được an táng tại đây sau khi từ trần vào năm 1974 và Công Chúa Nhữ Mây cũng được an táng tại nghĩa trang này sau khi từ trần vào năm 1999.



*Bia mộ Vua Hàm Nghi tại làng Thonac*¹⁷
(Nguồn : Mathilde Tuyet Trần)

Hàm Nghi : Một Nghệ Sĩ Hào Hoa Đa Tài

Trước năm 1945, dường như người Việt Nam không được hay biết gì về cuộc đời lưu đày của Vua Hàm Nghi tại Algérie, có lẽ đó là chủ trương của thực dân Pháp tại Đông Dương không muốn cho người Việt Nam biết gì về một ông vua yêu nước của họ, sau đó rồi đến 10 năm chiến tranh khốc liệt tại Đông Dương rồi thì trước năm 1975, Việt Nam Cộng Hoà tuy có bang giao với hai nước Ma-Rốc và Tunisie nhưng lại không có liên hệ ngoại giao với Algérie vì nước này theo Khối Phi-liên-kết thân với Cộng sản, do đó người dân miền Nam gần như không biết gì về cuộc đời của Vua Hàm Nghi trong 55 năm sống lưu đày tại nước này.

Một Họa Sĩ và cũng là một Nhạc Sĩ

Theo tài liệu còn được lưu trữ tại Trung Tâm Văn Khố Pháp tại Aix-en-Provence thì sau khi đến Algérie, Vua Hàm Nghi từ chối không chịu học tiếng Pháp, tuy nhiên trong thời gian rảnh rỗi thì ông hay tiêu khiển bằng cách vẽ tranh, vẽ tùy hứng theo ý ông chứ không theo một sự huấn luyện nào cả. Ông Nguyễn Ngọc Giao cho biết :

« Đại úy Vialar (người được Toàn Quyền Tirman cử tới coi sóc Hàm Nghi) trông thấy những hình vẽ của cựu hoàng, tuy không theo luật phối cảnh của hội họa Âu Châu, nhưng rất tinh tế và sinh động, nên ngày 15 tháng 11 năm 1889, de Vialar đưa họa sĩ Reynaud tới thăm Hàm Nghi và đề nghị nếu cựu hoàng muốn, Reynaud có thể dạy hội họa Âu Châu cho ông. Hàm Nghi nhận lời ngay cũng như nhận lời học tiếng Pháp sau 10 tháng đầu từ chối... Sau một thời gian, Hàm Nghi còn học thêm các môn đánh kiếm, thể dục và hội nhập vào xã hội thượng lưu Alger. Thế là chàng thanh niên 18 tuổi say mê lao vào hội họa. Mỗi tuần, thầy Reynaud –giải nhất Rô-ma- tới dạy hai lần vào thứ ba và thứ sáu. Hàm Nghi tiến bộ nhanh chóng, thấy rõ từng ngày...Ngày nào cũng đi vẽ cả buổi, bất chấp thời tiết, đến nỗi bệnh sốt rét (từ núi rừng chiến khu ở Việt Nam) tái phát...»¹⁸

Như vậy thì Vua Hàm Nghi đã bắt đầu học tiếng Pháp và hội họa cùng một lúc và ông đã được may mắn học với họa sĩ Reynaud, một họa sĩ đã được giải Khôi Nguyên La Mã tức là một người rất có tài, do đó không có gì lạ khi sau này ông cũng trở thành một họa sĩ tài giỏi.

Marius Reynaud sinh tại Marseille năm 1860, theo học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris rồi bị động viên vào quân đội và phục vụ tại Algérie. Sau đó, ông ở lại Alger và chú tâm vào việc sáng tác những họa phẩm về hải cảng Alger, Trại Hải Quân Alger và những phong cảnh về vùng Địa Trung Hải, đồng thời ông cũng dành thì giờ cho việc giảng dạy về môn hội họa tại trường Mỹ thuật tại đây và một trong những đệ tử của ông là Hoàng Tử Annam tức là Vua Hàm Nghi :



Hoạ sĩ Marius Reynaud (tự hoạ)

«Kiến thức văn hoá của Marius Reynaud rất uyên bác, ông có một quan niệm về hội hoạ rất khoa học và ý thức về nghệ thuật của ông rất tinh tế và vi diệu và thêm vào đó ông có sức làm việc vô cùng bền bỉ. Là một hoạ sĩ nổi tiếng, ông đã chứng tỏ tài nghệ của ông qua các bức tranh vẽ về biển cả, là một vị giáo sư ông là người có lương tâm chức nghiệp và đã đào tạo một người đệ tử nổi tiếng là hoạ sĩ Gilbert Galland và riêng với một người đệ tử chỉ được thụ huấn với ông có hai lần mỗi tuần mà ông đã hướng dẫn cho « Hoàng Tử Annam bị lưu đầy : Hàm Nghi (l'enfant merveilleux-đứa trẻ tuyệt vời) và những bài học đó đã biến vị hoàng tử này trở thành một người hoạ sĩ hơn xa một hoạ sĩ tài tử tầm thường... »¹⁹

Được thụ giáo với một hoạ sĩ nổi tiếng như Marius Reynaud, tuy nhiên ít ai được biết đến tài hội hoạ của Vua Hàm Nghi cho đến cách đây chừng 10 năm, có một bài báo đăng trên tạp chí Khoa Học Xã Hội tại Việt Nam về sự khám phá của một nhà nghiên cứu người Nga có liên quan đến Vua Hàm Nghi. Tài liệu này không được lưu ý mấy cho đến khi ông Vũ Thanh, giáo sư trường Đại Học Sư Phạm dịch lại và tài liệu này được đăng tải trên mạng VietnamNet vào tháng 5 năm 2008. Ông N.L. Nikulin là một nhà nghiên cứu người Nga, đã tìm ra một tác phẩm của một nhà văn nữ Nga xuất bản vào khoảng năm 1903 trong đó có viết về Le Prince d'Annam ở Alger và ông Nikulin đã viết một bài biên khảo về câu chuyện này trước khi ông qua đời.

Theo Nikulin thì vào năm 1903, dưới thời Nga Hoàng, nhà văn nữ *Tatiana Lvovna Sepkina-Kupernhic* (1874-1952) có xuất bản một tác phẩm du ký mang tên là *Những Bức Thư Từ Phương Xa* viết về những chuyện kỳ lạ ở ngoại quốc trong đó có chuyện nhan đề *Hoàng Tử Ly Tdong*, một nhân vật tưởng tượng nhưng mà đọc kỹ thì ai cũng biết là bà viết về một nhân vật mà bà vẫn gọi là *Le Prince d'Annam* tại Alger, thủ đô Algérie.

Trong truyện này, nhà văn Sepkina-Kupernhic mô tả vị Hoàng tử như sau :

« Khi đến Algérie trong lúc bị cưỡng bức đi đày, thời gian đầu ông đã định sống thu mình lại, chính xác hơn là cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Cách sống này không chỉ là

thái độ cực đoan của tuổi trẻ mà trước hết là của sự khó chịu với những gì liên quan đến thực dân, đến « bọn Tây ».

« Dáng dấp nhỏ bé của hoàng tử (chàng xuất hiện giữa chúng tôi, giữa những bạn bè chung) trong bộ trang phục nửa Âu nửa Á, ngay lập tức đã lôi cuốn sự chú ý của tôi. Chiếc khăn xếp màu trắng trùm lên mái tóc đuôi sam, (Chú thích của người viết : Tác giả Sepkina-Kupernhic đã nhầm lẫn về đầu tóc của Vua Hàm Nghi với kiểu tóc đuôi sam của người Tàu dưới thời Mãn Thanh, nhà vua không hề để tóc kiểu đuôi sam như người Tàu mà búi tóc « củ hành », một phong tục Việt Nam từ thời xa xưa cho đến đầu thế kỷ thứ 20), chiếc áo dài màu đen với tay áo rộng buông xuôi được lót bằng lụa tơ tằm màu xanh tươi (màu xanh của quê hương chàng), nước da vàng ngăm đen mang sắc màu của chiếc ngà voi lâu năm ; còn rất buồn và rất thông minh là đôi mắt đen hơi xếch lên phía thái dương, tay chân chàng nhỏ nhắn-Tất cả điều đó khiến tôi nghĩ đến một bức tượng quý giá được chạm trổ bằng bàn tay tài hoa của một nghệ sĩ phương Đông. »

Nhà văn Nga cho biết rằng vị hoàng tử này đã gây được cảm tình của bà cũng như bạn bè của bà và họ đã được hoàng tử mời đến tư gia. Sepkina-Kupernhic nói về ngôi nhà của hoàng tử cùng với những đồ trang trí và tài nghệ về hội họa và âm nhạc của ông với niềm kính trọng:

« ...Bên cạnh những bản thảo và nhạc cụ (cả Đông và Tây), bên cạnh những bản nhạc (mà trong đó có cả các tác phẩm của nhạc sĩ vĩ đại người Nga là Mikhail Ivanovich Glinka (1802-1857) thì thu hút sự chú ý của khách lại là những bức tranh do chính hoàng tử vẽ, chúng chứng tỏ cho khách thấy tài năng nghệ thuật của ông.

Ở đó còn có chiếc giá vẽ cùng với bức họa còn dang dở. Trong biệt thự, còn có những vật quý giá và thiêng liêng : những tấm lụa quý treo trên tường cùng với những câu danh ngôn của Khổng Tử được dát bằng vàng trên lụa, những nhạc cụ của đất nước chàng, những cuộn bản thảo, mực và bút trên bàn viết, những chiếc chiếu cói trên nền nhà. Ở một chỗ khác trong nhà là cây đàn dương cầm, chiếc đàn vĩ cầm (violin), những bản nhạc mà trong đó tôi tìm thấy Mikhail Ivanovich Glinka của chúng ta và giá vẽ cùng với bức họa còn dang dở. Trên những chiếc bàn khắp nơi là phác thảo của hoàng tử, tranh của chàng, những vật đó cho tôi biết rằng trong thân hình nhỏ bé như chiếc ngà voi kia ẩn dấu tâm hồn của một người nghệ sĩ lớn... »

Sepkina-Kupernhic cho biết thêm Vua Hàm Nghi đã vẽ về những đề tài gì :

« ...Khu vườn của chàng ...Những vòm cửa kiểu La Mã ở Tamgada, cảnh hoàng hôn trên biển..., cảnh điêu tàn của Kôxntantina và cánh rừng cọ El-Kantari, mái vòm trắng của nhà mộ Marabi, những trẻ em da đen-tất cả đều sống động, hiện lên trên nền vải... »²⁰



*Nhà thơ, nhà văn T.L. Sepkina-Kupernhic (1874-1952)
(Tranh vẽ của Repin)*

Trong những đoạn văn nói trên, nhà nữ văn thi sĩ người Nga Sepkina-Kupernhic đã ghi nhận thiên tài hội họa của vua Hàm Nghi, không những thế, bà còn cho biết nhà vua trẻ tuổi này còn biết sử dụng đàn dương cầm, đàn vĩ cầm của Tây phương cũng như là một vài loại nhạc cụ của quê hương ông. Bà cũng còn cho biết nhà vua có tâm sự với bà rằng « ông đang viết bằng tiếng mẹ đẻ một cuốn sách bàn về học thuyết Nho giáo. Chàng không nói với ai về điều đó, nhưng điều đó đã tạo nên mục đích của đời chàng. » Về vấn đề này, Công Chúa Nhữ Mây sau này cho nhà sử học Fourniau biết bà có thấy thân phụ của bà thường hay viết bằng chữ Nho rồi cất vào trong một cái hộp bằng gỗ. Bà không biết chữ Nho nên không rõ nhà vua viết về cái gì, tuy nhiên điều bất hạnh là cái hộp gỗ này đã bị cháy trong một trận hoả hoạn cho nên sau này không ai được biết nhà vua đã viết về vấn đề gì, nhưng điều chắc chắn là Vua Hàm Nghi không viết về nước Pháp hay Algérie bằng chữ Nho.²¹

Như vậy thì qua tác phẩm của nhà văn Nga Sepkina-Kupernhic, người ta được biết Vua Hàm Nghi là một họa sĩ có tài, một người biết thưởng thức âm nhạc cả Đông và Tây phương, biết chơi nhiều loại đàn kể cả dương cầm và lại còn biết viết văn nữa.

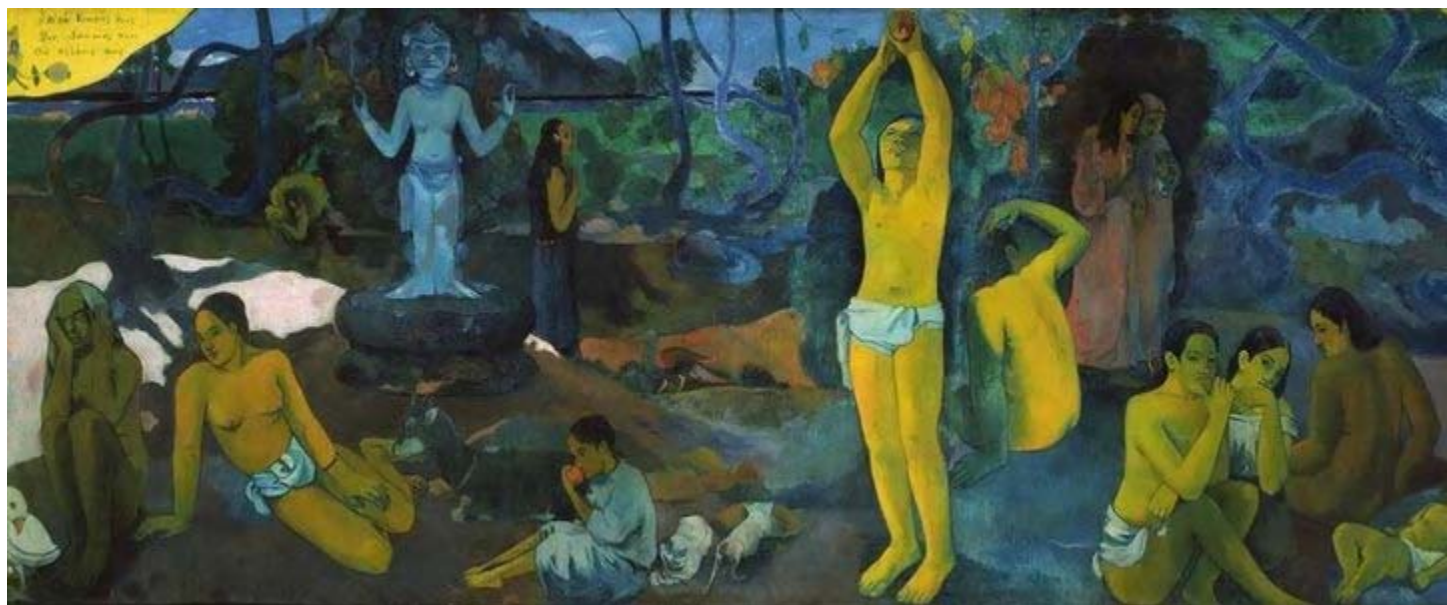
Quen biết với họa sĩ Paul Gauguin

Năm 1899, Vua Hàm Nghi sang thăm Paris và trong dịp này ông đã được đến thăm phòng triển lãm tranh của họa sĩ Paul Gauguin và được giới thiệu với Gauguin và sau đó thì hai người trở thành tương đắc, do đó tranh của ông có phần nào chịu ảnh hưởng của Gauguin.



Paul Gauguin: tự họa

Paul Gauguin (1848-1903) được xem như là một trong những người sáng lập của ngành hội họa của thế kỷ thứ 20. Ông chịu ảnh hưởng của phái ấn tượng nhưng về sau thì lại vẽ theo kỹ thuật riêng của mình, dùng nhiều màu sắc và đường nét trái rộng để có thể diễn tả được những xúc cảm nội tâm của chính người nghệ sĩ. Nhờ những kinh nghiệm thu đạt được trong thời gian sống ở đảo Tahiti, ông đã tạo ra được một trường phái gọi là « *nghệ thuật nguyên thủy* » (primitive arts) và về sau hai nhà đại họa sĩ khác cũng đi theo chiều hướng của ông, đó là Matisse và Picasso. Bức tranh do ông sáng tác tại Tahiti vào thời này mang tên là « *Chúng ta từ đâu đến, chúng ta là ai và chúng ta sẽ đi về đâu?* » là một đại tác phẩm vô giá hiện nay trên thế giới dù rằng khi còn sống thì Gauguin là một họa sĩ rất nghèo.



P. Gauguin:

Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta là ai? Chúng ta sẽ đi về đâu?

Sáng tác tại Punaauia, Tahiti khoảng năm 1887-1888

Một nhà Điêu Khắc

Ngoài Sepkina-Kupernhic và một vài người bạn người Nga khác như M. V. Krextôpxkaia, con gái của nhà văn Krextôpxki, ông Hoàng Tử Annam còn quen biết với nhiều người nổi tiếng trong giới văn nghệ sĩ ở Pháp, trong số đó có nhà thơ Pierre Louys, nữ sĩ Judith Gautier, Suzanne Meyer-Zundel v.v.

Pierre Louys là một nhà thơ nổi tiếng về gợi tình (erotic) và đồng tình luyến ái hồi cuối thế kỷ thứ 19, không rõ ông quen biết với Vua Hàm Nghi trong dịp nào, có lẽ là tại Alger, tuy nhiên bà Judith Gautier cho biết rằng chính nhà thơ Pierre Louys đã giới thiệu bà với Hoàng Tử Annam vào năm 1900.



Judith Gautier

Ông Nguyễn Ngọc Giao cho biết về người nữ nghệ sĩ này như sau:

« Bà Judith Gautier là con gái của đại văn hào Théophile Gautier. Bà là người tài sắc vẹn toàn nổi bật trên văn đàn thời ấy, (từng làm mê mẩn những người như nhà văn Victor Hugo, nhạc sĩ R. Wagner v.v.), tác giả của 50 tác phẩm. Bà viết tiểu thuyết, làm thơ, dịch thơ Đường, sáng tác kịch, nặn tượng (điều khắc) v.v. Bà là người phụ nữ đầu tiên được bầu vào Hàn lâm viện Goncourt. Bà học chữ Hán, say mê các nền văn hoá Á Đông và đã dịch hoặc phóng tác những tác phẩm Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ. Điều ít ai được biết là 3 năm trước khi quen biết với Hàm Nghi, bà đã sáng tác một chuyện ngắn « Ông Hoàng thủ cấp máu đỏ » mà chủ đề là cuộc kháng chiến của Hai Bà Trưng (chuyện này được đăng trên bán nguyệt san La Revue de Paris số đề ngày 15-12-1897.)

Không có gì ngạc nhiên nếu trong những năm đầu thế kỷ thứ 20, Judith Gautier có viết một vở kịch thơ « Les Portes Rouges » (Những cánh cửa đỏ) trong đó có nhiều bài thơ và điêu khắc chân dung Hàm Nghi.

Một đoạn thơ tiêu biểu nói lên tình cảm và sự trân quý đối với nhà ái quốc nghệ sĩ này :

Đất nước tan tành, giống ni xé lẻ

Bình minh cuộc đời vấy máu

Ôi ! Quân vương niên thiếu lên ngôi

Rồng quần quai dưới thêm, hấp hối.

Trong đau khổ anh sẽ lớn lên

Tên man di xâm phạm, tên phản bội khốn cùng

Cướp đi của anh đất nước giang sơn

Nhưng trước mặt anh đây, thế giới vô biên, chân trời mở rộng...²²

Theo tài liệu của ông Nguyễn Ngọc Giao thì vua Hàm Nghi rất thân với Judith Gautier và Suzanne Meyer-Zundel. Gia đình vua Hàm Nghi thường sang Pháp nghỉ hè và trong nhiều năm đã thuê nhà cạnh nhà bà Gautier ở thành phố Dinard ven biển Manche để nghỉ hè, kể cả sau khi bà Gautier từ trần. Năm 1914, trước ngày Đệ Nhất Thế Chiến bùng nổ, hai bà Gautier và Meyer-Zundel đáp tàu sang Alger chơi theo lời mời của Ông Hoàng Annam và họ đã lưu lại Villa Gia Long trong hai tuần lễ. Sau khi trở về Pháp, ba năm sau thì bà Judith Gautier từ trần vào ngày 26 tháng 12 năm 1917, vì chiến tranh đang tiếp diễn, Vua Hàm Nghi không sang Pháp tiễn đưa người bạn nghệ sĩ mà ông xem rất thân tình. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Ngọc Giao cho biết:

« Ngôi mộ của bà còn mang chứng tích của mối tình bạn hiếm có ấy. Sau khi bà Gautier mất, bà Suzanne Meyer-Zundel thấy trong phòng của bạn có mấy câu chữ Hán dán trong phòng do chính Vua Hàm Nghi tặng, bà không hiểu nghĩa cho nên đã tô vẽ lại rồi gửi sang Alger hỏi ông Hoàng Annam. Năm 1918, vua Hàm Nghi trả lời về ý nghĩa mấy câu đó và bà Meyer-Zundel đã cho khắc hai hàng chữ đó trên nắp ngôi mộ của bạn mình.

Ở cột bên trái có ba chữ « Tử Xuân Bái », Tử Xuân là tên hiệu của Nguyễn Phúc Ứng Lịch tức là Vua Hàm Nghi, Bái là cúi chào. Cột bên cạnh là « Ngã Ma Y Gia » và phía trên là « Nhật Lai Thiên ». Với bạn bè rất thân, trong đó có Vua Hàm Nghi, bà Judith Gautier thường tự xưng là Maya, do đó Ngã Ma Y Gia có thể hiểu là « Tôi Là Maya », còn câu Nhật Lai Thiên có thể hiểu là Ngày (Thiên), Ánh sáng mặt trời (Nhật), hiện ra (Lai) do vua Hàm Nghi dịch ra từ câu « La Lumière du Ciel arrive ».²³

Đó là sự giải thích của ông Nguyễn Ngọc Giao, tác giả bài « Hàm Nghi Nghệ Sĩ ».



*Bút tích chữ Hán của Vua Hàm Nghi khắc trên mộ J. Gautier
(Hình trích trong bài Hàm Nghi Nghệ Sĩ của N.N. Giao)*

Người viết có tìm hiểu thêm về bà Judith Gautier thì được biết bà là một người có đầu óc vô cùng khoáng đạt và có nhiều thiên tài về nghệ thuật. Triết lý sống của bà là sự tự do: “Với tự do tôi sống; với tự do tôi bước vào tuổi già và với tự do tôi sẽ đi vào cõi chết” (*with liberty, I live; with liberty I age and with liberty I will die.*) Với triết lý và lối sống tự do phóng khoáng như vậy vào cuối thế kỷ thứ 19, Judith Gautier được rất nhiều người nổi tiếng theo đuổi, trong đó có đại văn hào Victor Hugo và nhạc sĩ Richard Wagner...

Bà bỏ công nghiên cứu và học hỏi về nhiều nguồn văn hoá và đặc biệt là văn hoá Á Đông như Trung Hoa, Nhật Bản, bà đọc và viết được chữ Hán dù rằng chưa hề sang Á châu. Bà cũng am hiểu về âm nhạc và có viết một cuốn sách tựa đề “*Les musiques bizarres*” (1900) nói về âm nhạc các nước Á Đông trong đó có Trung Hoa, Nhật Bản, Nam Dương (Java), Mã Lai và cả Đông Dương...Nhân dịp Triển Lãm Quốc Tế tại Paris năm 1900, bà Gautier có viết một bài về âm nhạc Việt Nam nhan đề *Les chansons Annamites*. Có lẽ mối giao tình giữa bà và vị Hoàng Tử Annam đã thúc đẩy bà chú ý đến nền âm nhạc cổ điển của Việt Nam mà viết bài này.

Judith Gautier cũng còn là một nhà điêu khắc và người bạn thân của bà là Suzanne Mayer-Zundel cho biết trong cuốn tiểu sử của bà Judith Gautier rằng chính tay Judith Gautier có tạc một bức tượng cho Vua Hàm Nghi, tuy nhiên không rõ hiện gia đình có còn giữ được bức tượng này hay không.

Bà Suzanne Meyer-Zundel, cũng là một nhà điêu khắc, từ trần vào năm 1971 nhưng có viết một cuốn hồi ký lấy tên là « *Mười Lăm Năm sống bên cạnh Judith Gautier* » trong đó bà cho

biết rằng vào tháng 11 năm 1926, chính bà đã tổ chức một cuộc triển lãm cho những bức tranh và bức tượng do Vua Hàm Nghi sáng tác tại Galerie Mantelet (đường La Boetie, quận 8, Paris). Tuy nhiên hiện nay thì không ai được biết những tác phẩm nào đã có người mua và hiện nay đang lưu lạc nơi nào.

Nhiều người tại Alger cho biết rằng sau khi Ông Hoàng Annam dọn về ngôi biệt thự mới đặt tên là Villa Gia Long, ông đã trang trí ngôi biệt thự này theo kiến trúc Á Đông. Đặc biệt trong vườn, ông có dựng một cái đền nhỏ, người Pháp gọi là « *le temple* », không phải là chùa (pagode), để làm nơi ông đến hướng lòng về quê hương tổ quốc và ông bà tổ tiên.



*Ngôi đền trong Villa Gia Long.
Nguồn: Es'mma*

Ngoài ra, trong khu vườn này nhà vua còn trang hoàng những bức tượng lớn nhỏ khác nhau do chính tay nhà vua tạc lấy, tuy nhiên sau ngày nước Algérie được độc lập thì Villa Gia Long lại thuộc quyền quản trị của Chính Phủ Algérie, do đó sau khi chính phủ này giao cho Chính Phủ Liên Xô sử dụng Villa Gia Long làm toà đại sứ thì người Algériens đã dời những bức tượng đó về cất đi. Không rõ những pho tượng này hiện giờ lưu lạc ở đâu. Còn ngôi biệt thự Villa Gia Long thì ngày nay đã trở thành sứ quán của nước Cộng Hoà Nga tại Số 7 con đường mang tên là “*Chemin du Prince d’Annam*”, cái tên mà người Pháp và người Algériens đã gọi Vua Hàm Nghi trong thời gian mà Ngài đã sống tại thành phố Alger, thủ đô nước Algérie.

Riêng về những bức tượng nhỏ hơn thì vào năm 1935, khi Vua Hàm Nghi được 64 tuổi và đã sống lưu đày tại Algérie hơn 45 năm, nhà vua có chụp một tấm ảnh, hai tay đang cầm một bức tượng và đằng sau là những pho tượng lớn nhỏ khác do chính tay nhà vua sáng tác. Đặc biệt nếu nhìn kỹ thì chúng ta sẽ thấy giữa những bức tượng có lẽ bằng thạch cao màu trắng, còn có một chiếc khánh dường như bằng đồng, đó là một vật mà tại chốn cung đình, các bậc vua chúa thường dùng để đánh lên khi muốn gọi cung phi thái giám, người hầu kẻ hạ. Có lẽ chiếc khánh này do chính nhà vua chế tạo ra theo trí nhớ vì trong văn hoá của người Pháp lẫn người Ả Rập không hề có dụng cụ này.

Số phận của những tác phẩm nghệ thuật này của Vua Hàm Nghi hiện giờ có còn tồn tại hay không ?

Ông Nguyễn Ngọc Giao cho biết :

« Nhà sử học Pháp Charles Fourniau, một chuyên gia về Phong Trào Cần Vương, người bạn thân của Việt Nam, cho chúng tôi biết ông đã từng gặp hai bà Như Mai và Như Lý và đã được hai bà cho xem một số tác phẩm của vua cha. Tiếc rằng khi ông đề nghị tổ chức một cuộc triển lãm thì hai bà từ khước. Cho đến nay (tháng 5-2008), con cháu của bà Như Lý, tức là hậu duệ chính thức của Hàm Nghi, vẫn giữ đúng ý nguyện của hai người đã khuất. Không những thế, họ xem những tác phẩm nghệ thuật là sở hữu riêng tư không muốn công bố, dù dưới hình thức hình ảnh hay phim ảnh, cũng như là họ dứt khoát gìn giữ ngôi mộ của Hàm Nghi ở nghĩa trang Thonac. »²⁴



*Vua Hàm Nghi năm 64 tuổi với những tác phẩm điêu khắc.
Nguồn : Hình chụp năm 1935, tài liệu của gia đình*

Về sự say mê nghệ thuật của Vua Hàm Nghi, sử gia Fournier cho biết thêm như sau :

« Cựu Hoàng thường nặn tượng, vẽ tranh, có lần đã triển lãm tại Paris và có quen biết với nhà điêu khắc nổi tiếng Auguste Rodin. Ngài không hề kể chuyện về đời mình, song viết rất nhiều, không may tủ sách của ngài bị cháy thành ra hậu thế không được biết thêm chi tiết gì về 3 năm Ngài lưu lạc trong rừng sâu... »²⁵

Người bạn thân quý của Auguste Rodin

Ngoài Paul Gauguin và một số nghệ sĩ đã nói ở trên, Vua Hàm Nghi không những còn được quen biết mà còn là “*bạn quý*” của Auguste Rodin, nhà điêu khắc hàng đầu của thế kỷ thứ 19 và thế kỷ thứ 20.

Sử gia Fournier cho biết rằng “*Cựu Hoàng thường nặn tượng, vẽ tranh, có lần triển lãm tại Paris và có quen biết nhà điêu khắc trứ danh Rodin...*”²⁶



Điêu khắc gia Auguste Rodin

Một học giả chuyên nghiên cứu về văn hoá và lịch sử Việt Nam là Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm, người đã từng giữ chức quản thủ thư viện tại Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris từ năm 1976 đến năm 1987 có cho biết thêm rằng nhà điêu khắc Rodin là « *bạn quý* » của vua Hàm Nghi :

« *Nhà vua đã trở thành một nhà hội hoạ có tài năng và có quen thuộc nhà điêu khắc Rodin, Giáo sư trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Pháp, số 11 bên sông Seine, gọi là Quai Malaquais, quận 6 với phương danh St Germain des Prés, được Việt hoá thành « Minh Đồng Quê Gió Cuốn. »*

Tôi có nghe kể rằng chính phủ Pháp đã cho phép Vua Hàm Nghi sang Pháp mấy lần để thăm ông bạn quý Auguste Rodin, chuyên dạy điêu khắc, tác giả bức tượng Le Penseur (The Thinker) lừng danh thế giới. Người ta kể lại rằng khi đến thăm trường, Vua Hàm Nghi vẫn để tóc búi và vẫn mặc trang phục Việt Nam, giữ vững truyền thống dân tộc. Đó là điểm son quý báu sáng chói trên nền trời Âu Châu.



Bức tượng Le Penseur của A. Rodin

Và người ta cũng kể lại rằng trong những lần viếng thăm đó, Ngài ưa tới sân trong của trường để chiêm ngưỡng kiến trúc và hai cây dâu (murier) cổ thụ đã sống từ mấy trăm năm, từ khi các giáo sĩ thuở xưa mang về từ Á Châu về trồng tại nơi này, vốn là đất của họ đạo Vùng Thánh Giác Minh. Cho tới ngày nay, hai cây dâu này vẫn còn xanh tươi và được đặc biệt săn sóc trong khuôn viên trung tâm Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris. »²⁷

Như vậy thì vào thời đó, Vua Hàm Nghi đã có nhiều tài năng về nghệ thuật và quen biết với nhiều nghệ sĩ nổi tiếng nhất Âu Châu như nhà thơ Pierre Louys, nhà văn, nhà thơ, nhà điêu khắc và họa sĩ Judith Gautier, nhà điêu khắc Suzanne Meyer-Zundel, nhà văn Nga Sepkina-Kupernhic và đặc biệt là họa sĩ Gauguin cùng nhà điêu khắc Auguste Rodin (1840-1917), những tên tuổi mà cho đến bây giờ vẫn còn được xem như là những vì sao Bắc đẩu trong lãnh vực hội họa và điêu khắc tại Âu Châu, đó là một điều đáng được hãnh diện đối với một người Việt Nam mà cho đến năm gần hai mươi tuổi vẫn còn chưa biết gì về hội họa, chưa biết gì về điêu khắc cũng như là chưa biết gì về văn hoá và ngôn ngữ Tây Phương.

*

* *

Nguyễn Phúc Ứng Lịch lên ngôi năm chưa đầy 14 tuổi lấy hiệu là Hàm Nghi nhưng chỉ một năm sau đã rời bỏ ngai vàng chạy ra Tân Sở lãnh đạo Phong trào Cần Vương chống lại thực dân Pháp. Sau hơn ba năm nằm gai nếm mật trên các chiến khu tại vùng sơn cước các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình và Hà Tĩnh, nhà vua bị Pháp bắt rồi đày sang Algérie năm 1888, lúc đó mới 18 tuổi. Nhà vua từ trần ngày tại Alger ngày 28 tháng 11 năm Nhâm Ngọ tức là ngày 4 tháng 1 năm 1944 sau 55 năm sống cuộc đời lưu đày, không hề được gặp lại bất cứ một người bà con họ hàng thân thích nào.

Khi đến Algérie, Vua Hàm Nghi là một nhà cách mạng, một chàng thanh niên 18 tuổi không hề biết mảy may gì về nền văn hoá xứ người, tuy nhiên khi từ già cõi đời thì ông là một người nghệ sĩ đa tài với một kiến thức chẳng kém gì những bậc thượng lưu trí thức của nước Pháp.

Dù đã bị truất ngôi nhưng trong suốt 55 năm sống cuộc đời lưu đày ông luôn luôn giữ phong cách của một bậc quân vương vì ông không hề thoái vị, dù sống với kẻ thù trên đất nước của kẻ thù nhưng ông vẫn luôn luôn chứng tỏ cho người Pháp thấy tinh thần bất khuất của ông, sự chống đối của ông, dù chỉ là một sự chống đối tiêu cực; dù rằng ông lấy vợ người Pháp, dù rằng ông phải nói tiếng Pháp, dù ông phải học hỏi ở nền văn hoá của nước Pháp, nhưng trong suốt cuộc đời lưu đày, từ ngày đặt chân lên xứ Algérie cho đến ngày từ già cõi đời, ông không hề thay đổi trang phục của quê hương ông, của dân tộc ông, đó là đầu tóc búi củ hành, đó là cái khăn đóng đội trên đầu và cái áo dài đen cố hữu, không hề thay đổi một loại y phục nào khác.

Theo lời Tiến sĩ Thái Văn Kiểm, mỗi lần đến thăm Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris, Ngài vẫn thường ngồi ngắm hai cây *mauriers* tức là cây dâu, nơi mà ngày xưa mọc rất nhiều ở Huế, được gọi là Bãi Dâu. Trong vườn Villa Gia Long, Ngài còn cho xây dựng một ngôi đền để tưởng nhớ đến tổ tiên. Như vậy thì trong tâm tư, dù đã bị sống lưu đày trong hơn năm thập niên, dù không hề được nhìn thấy lại quê hương nhưng Vua Hàm Nghi bao giờ cũng nghĩ đến quê hương đất nước, một lòng chung thủy với quê hương đất nước.

Đó là lòng ái quốc.

Dù là một kẻ anh hùng ái quốc, từ già cõi đời trong sự cô quạnh của một kẻ lưu đày nơi xứ người để rồi cũng sẽ bị lãng quên theo năm tháng, nhưng là một nghệ sĩ thì dù đã đi vào thế giới bên kia nhưng những tác phẩm nghệ thuật của ông vẫn sẽ còn tồn tại đến muôn đời. Dù rằng hậu duệ của nhà vua cho đến giờ này vẫn giữ ý nguyện của hai vị công chúa Nhữ Mây và Nhữ Lý chỉ muốn giữ những tác phẩm nghệ thuật của nhà vua là vật sở hữu riêng tư trong gia đình, tuy nhiên biết đâu có một ngày nào đó, những hậu duệ này sẽ thay đổi ý kiến và công chúng sẽ được có cơ hội chiêm ngưỡng những tác phẩm đó.

Riêng đối với người Việt Nam, chúng ta mong ước ngày đó sẽ gần kề để cho chúng ta được chiêm ngưỡng tài nghệ về hội hoạ và điêu khắc không những của một vị hoàng đế anh hùng của lịch sử mà cũng còn là một nhà nghệ sĩ tài hoa, đa tài của dân tộc thời cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20.

Vào năm 1925 khi vua Khải Định mất, hoàng gia và triều đình Huế có nhận được một bức trưởng với hai câu đối viếng như sau :

« Ông vội bỏ đi đâu, bỏ tiền, bỏ bạc, bỏ vợ, bỏ con, bỏ thầy tu hát bội, bỏ hết trần duyên trong một lúc.

« Tôi may còn lại đó, còn trời, còn đất, còn nước, còn non, còn anh hùng hào kiệt, còn nhiều vận hội giữa năm châu. »

Hồi đó có nhiều người cho rằng câu đối đó là của Vua Duy Tân gửi về và điều này nghe ra cũng rất hợp lý, tuy nhiên có vài lý do cho thấy rằng nhận xét đó không đứng vững cho lắm vì trên thực tế thì Vua Duy Tân bị đày ở đảo Réunion, một thuộc địa của Pháp, và bị chính quyền địa phương kiểm soát rất gắt gao, đảo này tọa lạc trong Ấn Độ Dương không nằm trên đường giao thương bằng đường thủy từ Âu châu sang Á châu, do đó muốn liên lạc với Đông Dương thì rất khó khăn.

Ngược lại Vua Hàm Nghi bị đày ở Algérie, một lãnh thổ của nước Pháp (département Français), vào thời gian đó, nhà vua đã được người Pháp cho phép sang Pháp nhiều lần, và năm 1926 thì ông đang ở Pháp để tham dự lễ tốt nghiệp của Công Chúa Nhữ Mây và cũng để tổ chức triển lãm tranh và tác phẩm điêu khắc, như vậy thì rất có thể ông đang ở Pháp từ năm 1925 và cũng rất có thể câu đối đó do ông từ Pháp gửi về vì tang lễ của Vua Khải Định phải chờ Hoàng Thái Tử Vĩnh Thụy đang du học tại Pháp về để chịu tang.

Người viết không dám khẳng định câu đối nói trên là của Vua Hàm Nghi, tuy nhiên xin mượn vế sau của câu đối này để kết thúc bài biên khảo này.

Vua Hàm Nghi, một nghệ sĩ tài hoa, một nhà vua ái quốc đã từ giã cõi đời cách đây đúng 65 năm nhưng nhà vua vẫn còn lại đó, còn trời, còn đất, còn nước, còn non, còn anh hùng hào kiệt, còn nhiều vận hội giữa năm châu vì ngày nay, tại quê nhà cũng như tại khắp nơi trên thế giới, không một người Việt Nam nào mà lại không khỏi yêu mến, kính trọng và tiếc thương cho một nhà vua ái quốc, một nghệ sĩ đa tài và cũng là một người ty nạn bị thực dân Pháp lưu đày sang tận Phi châu cách đây đúng 130 năm.

Trần Đông Phong

California, Mùa Đông 2008

¹ Trần Trọng Kim: “Việt Nam Sử Lược”

² Những chi tiết về các vị vua này được trích trong “Nguyễn Phước Tộc Giản Yếu” của Nguyễn Phước Tộc Sài Gòn, 1992.

³ H. de Pirey: “Une Capitale Éphémère: Tan So », Bulletin des Amis du Vieux Hue, số 3, tháng 7-9 năm 1914.

-
- ⁴ H. de Pirey : bài báo đã dẫn.
- ⁵ Đông Tùng: “*Bút Chiến đấu*,” Hội Khổng Học Việt Nam xuất bản, Sài Gòn 1957: “*Chiếu Cần Vương của Vua Hàm Nghi ban hành ngày 11 tháng 8 năm Hàm Nghi thứ nhất*,” trang 12-13. Trích dẫn lại trong “*Văn Chương Nam Bộ*” của Giáo sư Nguyễn Văn Sâm, Xuân Thu California 1988, trang 64.
- ⁶ Vets With A Mission-Early History of Vietnam, Internet
- ⁷ Jules Roy: “*Une soirée chez la Baronne de Vialar*,” trích trong “*Les cheveux du Soleil*» trên Internet.
- ⁸ Hứa Hoàn: “*Ai Giết Bùì Quang Chiêu?*” trên Internet
- ⁹ Es’mma : « *Le mariage du Prince d’Annam* ». Es’mma là trang web của Hội Cựu Học Sinh các Trường Trung Học Alger, thủ đô nước Algérie. Hầu hết những tấm hình của Vua Hàm Nghi và bà Marcelle Lalô đều trích từ trang web của hội Es’mma, Alger.
- ¹⁰ Capitaine Gosselin : « *Le Laos et Le Protectorat Français* », trang 164-165.
- ¹¹ Bertrand Auschitzky: “*Baron Alfred de Vialar (1845-1926)*”, trên Internet.
- ¹² Jules Roy: bài đã dẫn.
- ¹³ Mathilde Tuyết Trần: “*Lâu Đài của Công Chúa NhữMây: Château de Losse*,” www.vietsciences.org, 2007.
- ¹⁴ Daniel Grandclément: « *Bao Dai ou Les Derniers Jours de l’Empire d’Annam*”, JC Lattès, Paris 1997.
- ¹⁵ Nguyễn Ngọc Giao: “*Hàm Nghi nghệ sĩ*”, Internet 17-5-2008.
- ¹⁶ Nguyễn Cao Đức : «*Un Empereur bien-aimé : Hàm Nghi* » trong Chim Việt Cành Nam.
- ¹⁷ Mathilde Tuyet Tran : « *Ngôi Mộ Vua Hàm Nghi* », www. vietsciences.org
- ¹⁸ Nguyễn Ngọc Giao: bài báo đã dẫn.
- ¹⁹ « Marius Reynaud : Peintre Algérois connu pour ses peintures sur le port d’Alger et de l’Amirauté », Revue Algérienne Illustrée, 1897, trích lại trong « **Babel Oued Story, Alger**)
- ²⁰ Những đoạn văn chữ nghiêng trên đây đều được trích dẫn trong bài « *Vua Hàm Nghi và Câu chuyện Cổ tích Kỳ lạ* » do Tiến sĩ Vũ Thanh dịch từ bài của Tiến sĩ N.L. Nikulin đăng trên VietnamNet.
- ²¹ Nguyễn Ngọc Giao: bài đã dẫn.
- ²² Nguyễn Ngọc Giao: bài đã dẫn.
- ²³ Nguyễn Ngọc giao: bài đã dẫn.
- ²⁴ Nguyễn Ngọc Giao: bài đã dẫn.
- ²⁵ Fournier: “*Annam-Tonkin 1885-1895*,” trang 158-162.
- ²⁶ Fourniau: “*Annam-Tonkin 1885-1895*”, Paris 1989.
- ²⁷ Thái Văn Kiểm: trích lại trong Việt Sử Khảo Lược của cụ Hoàng Cơ Thụy, cuốn 3, trang 1890-1891.